

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH  
TẬP 166

HOA NGHIÊM  
NHẤT THỪA THÀNH  
PHẬT DIỆU NGHĨA KINH

SỐ 1890

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN



SỐ 1890

# HOA NGHIÊM NHẤT THỪA THÀNH PHẬT DIỆU NGHĨA KINH

*Biên tập: Sa-môn Kiến Đăng, ở Thanh Kheo.*

## TỤC TẶNG ĐẠI NHẬT BỐN

*Quy mạng mười thân Phật Giá-na.  
Các Như Lai pháp giới cùng tận.  
Ba thứ luận viên mãn thành Phật.  
Hội biển thấy Văn-thù Phổ Hiền.  
Ta ở sanh tử còn ràng buộc.  
Tâm mong vãng sanh nước Phật tịnh.  
Chỉ nguyện xót thương thân niệm trí.  
Mở lý sâu này, ích mình, người.  
Cho pháp trụ lâu đáp ơn Phật.*

Vì pháp tánh mênh mông không có bờ, biển Phật rộng lớn vô tận. Đây tức là giảng nói cùng cực thành Phật của Xiển-đề, chẳng phải tình đều thành bàn bạc sôi nổi. Đại Thánh của địa vị cùng cực khó nghiên cứu tận cùng, Hiền Thánh thông minh không thể vượt hơn, hướng chỉ là phàm phu của thời đại cuối cùng, đâu xứng đồng với ý khéo léo của Đại sư.

Vì thế, hôm nay, bằng sự nhận thức riêng, tham khảo các chỗ văn, mở rộng trở thành ý chỉ của Phật, đại khái đặt ra năm môn:

1. Phát ra hạt giống thành Phật.
2. Giải thích quyết định được con người.
3. Chỉ bày rõ sự khác nhau của giáo.

4. Môn mau chóng được chủng loại thành Phật.

5. Môn phân biệt hỏi đáp.

Trong môn thứ nhất, thành Phật có ba: Vị, hạnh, Phật lý, nên sơ quyển 3 chép: Về nghĩa, y cứ ở ý kinh của một bộ thượng, hạ có ba thứ thành Phật.

1. Y cứ vị.

2. Y cứ hạnh.

3. Y cứ lý.

Đầu tiên, là y cứ vị: Phó thác năm vị như Thập trụ, v.v... của ba thừa Chung giáo, vì giảng nói về vấn đề thành Phật này, nên bốn sơ nói: Dùng phương tiện sáu tướng tức tâm sau cùng của Thập tín, sau phần thắng tấn, nhập vị đầu tiên của mười giải, tức thành Phật, đây là vị không lui sụt của Chung giáo của ba thừa, vì thu nhiếp dung thông sáu tướng của Nhất thừa, tức đủ các vị đến quả Phật. Trụ Sơ phát tâm của ý là tướng chung. Trụ thứ hai v.v... là tướng riêng. Trụ thứ hai, v.v... là đồng, vì kèm theo nghĩa phát tâm, nên gọi là tướng đồng. Trụ thứ hai ngang bằng, nhưng đều không có lẫn nhau, tức gọi là tướng khác.

Y cứ trụ thứ hai ngang bằng, vì thành phát tâm chung nên gọi là tướng thành. Trụ thứ hai đồng, đều trụ pháp mình, vì thường không tạo tác, nên gọi là tướng hoại, nên phân biệt trụ thứ hai ngang bằng, thu nhiếp vị phát tâm chung, tức là thành Phật. Vì thế, nên Địa Luận quyển hai nói rằng: Vì Bồ-tát của địa tín, cho đến làm một duyên khởi cho pháp Phật không suy nghĩ bàn luận, vì nghĩa chung, riêng v.v... của sáu tướng, dùng để tìm tòi.

Chương chép: nói biết nhân quả đều có thời gian dung nhau, tức đều thu nhiếp tất cả, làm chủ, bạn lẫn nhau, điều này cần suy nghĩ sâu xa.

Việc này không nghi ngờ, nói là địa tín: Tức Địa, Tín, Hạnh là địa vị ba hiền Địa Tiên.

Hỏi: Sao không nói là y chỉ ở vị tín thành?

Đáp: Sơ thứ tư chép rằng: Nếu y cứ vào Chung giáo, thì tín này chỉ là phương tiện của vị Mười trụ, tự không có vị riêng, nên kinh Bốn Nghiệp chép: Chưa trên trước vị có mười tâm này. Lại, Nhân Vương chỉ nói ba hiền, mười Thánh, không nói bốn. Lại, trong bốn vị sau trong kinh này, đều có nhập định, xuất định, sắp đặt mười danh hiệu để giải thích mười nghĩa, v.v... chỉ vì trong Tín không có nghĩa này, nên biết được.

Hỏi: Địa vị phát tâm thành Phật, hoặc năm vị nhiếp nhau mà

thành, hoặc sáu vị thu nhiếp nhau thành?

Đáp: Mở rộng sáu vị thu nhiếp nhau thành. Mười bốn thu nhiếp Sơ trụ. Năm vị thu nhiếp nhau thành. Mở rộng sáu vị thu nhiếp nhau thành: ngũ giáo quyển hạ chép: y cứ vào giai vị làm sáng tỏ. Nghĩa là sáu giai vị bắt đầu từ mười bốn, cho đến quả Phật khác nhau, hễ được một vị, thì được tất cả vị. Vì sao? Vì dùng tướng của sáu vị để nhận lấy, vì chủ bạn, vì nhập nhau, vì tức nhau, vì viên dung, nên khi vị Sơ phát tâm của ý làm chủ, vị trước, sau khác là bạn, cho đến khi quả Phật làm chủ, thì vị trước khác làm bạn, nhập nhau y cứ vào dụng, tức nhau y cứ vào thể.

Viên dung: Thế dụng vô ngại, nói về sự nhiếp nhau của các vị này, vì Sơ quyển thứ năm ở ba:

1. Vì duyên khởi nhiếp nhau của môn Đà-la-ni.
2. Do tâm Bồ-đề của Phổ Hiền, vì bao gồm khắp sáu vị.
3. Do pháp tánh không có thể, chung.

Vì ba việc này, nên là chung, vì năm quyển hạ, nên là riêng. Vì chung, riêng hợp thành tám, nên Đà-la-ni là tổng trì, vì vị nhiếp lẫn nhau, nên gọi là tổng trì. Sáu mươi hạnh của Phổ Hiền là tức hạnh của sáu vị, vì như trước kia đã ghi nhận nên nói rằng, bao gồm sáu vị. Đại ý nói: Dù hạnh Phổ Hiền của Nhất thừa, một hạnh tức tất cả hạnh bằng nhau,. Nhờ quả vị Chung giáo mà thấy một vị tức tất cả vị bằng nhau, tức hạnh này, là nhờ ở bốn mãn, hạnh thành, gọi là hạnh thành Phật. Nhờ ở các vị như trụ, v.v... thành tựu, gọi là vị thành Phật, gọi là thời tiết thiết yếu.

Hỏi: Nay, quả vị Sơ phát tâm gọi là Phật, vì lý của đối tượng y chỉ bình đẳng, nên nói Sơ phát tâm tức là Phật?

Đáp: Sơ quyển năm chép: Tức là Phật. Có người giải thích: Hoặc nói rằng: Trong nhân nói quả. Hoặc nói rằng: Giải đồng với cảnh của Phật. Hoặc nói: y cứ lý bình đẳng. Hoặc y cứ giáo ba thừa cũng được nói như trên.

Nay, tìm văn trên, dưới, y cứ vào viên giáo Nhất thừa, thì chung nhiếp nhau viên dung vô ngại, được thì tức là chung, cùng cực chung mới nguyên thì (vì mới nói ba pháp trên) nên biết lý, trí, hạnh, vị v.v... đều viên dung vô ngại.

Hỏi: Nay, sơ phát tâm bao gồm thu giữ vị trước, sau. Thành Phật, nghĩa là thuận theo đối tượng thu nhiếp gọi là Phật, hay chủ thể nhiếp được gọi là Phật?

Đáp: Đúng như yếu lý.

Hỏi: Lập vị này thành Phật, có vấn đối tượng y chỉ hay chẳng?

Đáp: Văn chứng chẳng phải một. Năm giáo ở bảy văn, ba văn đầu và văn thứ năm là chung cho chứng. Ba văn còn lại chứng riêng.

Vị phát tâm đầu tiên, thành Phật nói bảy văn, nghĩa là ở một địa, v.v...

2. Biết một tức nhiều, nhiều tức một.

3. Ba kinh quyển 31 chép: Không thể nói năng, không thể thuyết minh đầy đủ tất cả thuyết, không thể nói năng, thuyết minh trong các kiếp không thể nói, không thể nói, không thể tận. (Mới đồng với 45).

4. Kinh thứ mười chép (mới, 17). Tất cả chúng sinh đều có khả năng phân biệt biết (tâm hạnh chúng sinh có thể đếm biết). Tất cả cõi, cát bụi hầy còn có thể tính đếm biết (cõi nước như cát bụi cũng giống như thế).

5. Luận Thập Địa chép: Dùng Bồ-tát của Địa tín, cho đến làm một duyên khởi cho pháp Phật không thể suy nghĩ, bàn luận, do nghĩa chung riêng v.v... của sáu tướng, dùng để bao gồm. Văn đặc ý này là chỉ cho chánh văn kia.

Có thuyết nói: Vì văn so sánh, suy lường hạnh của quyển thứ ba, nên văn kia nói: Kinh chép: Tín: là Tin nhập hạnh gốc của chư Phật, Như Lai cho đến pháp Phật không suy nghĩ, bàn luận. Cảnh giới của Như Lai không có chính giữa, không có ngoài bìa, khởi môn vô lượng hạnh. Cảnh giới của Như Lai nhập sự chỉ bày.

Phá bỏ: Quan niệm này rất sai lầm. Vì sao? Vì trong sự suy lường, so sánh hạnh kia, không nói sáu tướng. Lại, thuyết kia chỉ nói tín hạnh, không nói Địa tín. Lại, dẫn chứng này để làm chứng cho nghĩa của vị Sơ phát tâm, đến quả vị Phật, chẳng phải là nghĩa quả Phật chứng đắc của vị Sơ địa. Cho nên rất sai lầm.

Có thuyết nói: Vì quyển thứ nhất nói mười tám văn là chương đã dẫn. Văn ấy chép: Tất cả Bồ-tát không thể suy nghĩ, bàn luận pháp Phật, cho đến nói rộng, tức khảo xét rằng: Bồ-tát của địa Tín địa Tiên, chính là pháp Phật không suy nghĩ, bàn luận của quả Phật, là một duyên khởi. Vì phương tiện của sáu tướng viên dung, tức nhau, nên trong mỗi vị đều thu nhiếp sáu vị. Mỗi vị mãn đều đến quả Phật.

6. Bồ-tát phát tâm đầu tiên tức là Phật cho nên bằng nhau.

7. Quyển thứ 9 nói: (Mới, 17). Quán như thế, dùng phương tiện nhỏ, mau chóng được công đức của tất cả chư Phật, thường ưa quan sát tướng không hai, ở đây có việc này. (Nếu các Bồ-tát thực hành quán như thế, tương ứng với hai giải không sinh đối với các pháp, thì tất cả

Phật pháp mau được hiện tiền. Lúc mới phát tâm, ấy là thành Chánh giác (tức được A-nậu Bồ-đề) biết tánh chân thật của tất cả pháp (tức tự tánh của tâm), đầy đủ thân tuệ (thành tựu thân tuệ). Không do người khác tổ ngộ.

Hỏi: Quán như thế là quán những gì?

Đáp: Kế là văn trên nói rằng: Nuôi lớn đầy đủ tâm đại từ bi đều phân biệt chúng sinh, mà không bỏ chúng sinh, cũng không bỏ vắng lặng, thực hành nghiệp vô thượng, không cầu quả báo. Quán tất cả pháp như trò ảo thuật, như mộng, như điện chớp, như tiếng vang, như biển hóa.

Sớ quyển 5 chép: Chánh hỏi có ba:

1. Hỏi tu phạm hạnh.
2. Thành vị.
3. Đắc quả.

Tức kinh nói: Thế nào là mới được tu tập phạm hạnh, đầy đủ địa của đạo Bồ-tát Thập trụ, mau chóng thành tựu Bồ-đề bình đẳng vô thượng. Dụ sau hai pháp đầu tiên trong thứ ba, cho đến đáp. Sau khởi hai trước, ghi chép đầu tiên, hai trong câu hỏi thứ ba, khởi hai lớp giữa, sau, chỉ bày rõ nhân ít, được quả lớn, trong đó đều có hai: nêu trước, giải thích sau.

Trong phần nêu biểu đầu tiên, dùng một ít phương tiện là nhân, mau được bằng nhau là quả. Trong giải thích: Sao dùng nhân nhỏ mà mau được quả lớn. Giải thích: Dùng thường, vui để quán bi, trí, không, hữu bình đẳng, vì pháp không có hai. Cho nên, mau được như thế: Ở đây có việc này. Pháp khác như ký đã rộng dẫn.

Thành Phật, hạnh thứ hai. Sớ quyển 3 chép: y cứ vào hạnh, nói chung không y chỉ vị, tự phân chia thặng tấn rốt ráo, tức đến quả Phật v.v...

Quyển hạ của chương nói rằng: Vì do tín thành, nên thuộc về Phật hạnh, chẳng phải Phật vị, v.v...

Hỏi: Nếu không y chỉ ở vị, sao các văn lại nói: Nhờ Thập tín mãn, vị sau, sau nhiếp giữ tức thành Phật hay chăng?

Đáp: Thông thường hạnh thành Phật có hai nghĩa:

1. Y cứ vào đức đương thể của Nhất thừa.
2. Vì y cứ môn phó thác, nên sớ chép: Nếu y cứ vào Viên giáo thì sẽ có hai nghĩa. Nếu y chỉ tự pháp của Phổ Hiền, thì tất cả đều không có vị. Nếu y cứ vào pháp phó thác, thì sẽ đồng với Chung giáo. Nhưng tín, mãn nhập tế của vị, thu nhiếp chung tất cả các vị, đều đầy đủ, đều

ở trong đây. Đây tức là vì y cứ vào hạnh thu nhiếp vị.

Vấn thứ ba của số, y cứ vào nghĩa đầu tiên để nói. Vấn khác y cứ vào nghĩa sau. Y cứ vào đức đương thể Phổ Hiền của nghĩa đầu tiên: Số quyển 4 chép: Vì tín mãn, thành địa vị Hiền Thủ này, nên đồng với ba nghiệp rộng lớn của Phổ Hiền, v.v... bao gồm nhân và quả, khắp tất cả mọi nơi, cùng tận tất cả thời gian, thường tạo ra dụng lớn của pháp giới vô biên, đây là thường thành, ngay nơi tướng mà giải thích, không dựa vào các vị.

Nay, y cứ vào trong môn Tín, thể hiện rõ ràng, thì thuộc về sự gồm thâu của tín. Lại, vấn trên chép: Hoặc chỉ y cứ vào đức đương thể của Phổ Hiền để giải thích như phẩm Phổ Hiền hạnh đã nói. Khảo xét phẩm Phổ Hiền có sáu mươi hạnh. Ở đây, một hạnh tức tất cả hạnh, tất cả hạnh tức một hạnh, vì nhiều lớp vô tận, nên không y chỉ dần dần địa vị Phổ Hiền kia, nên số quyển mười sáu chép: Thứ hai, trong phần giải thích hạnh Phổ Hiền, trước nói về sự rộng lớn của đối tượng trị có trăm ngàn chướng, sự rộng lớn của chủ thể trị có sáu mươi hạnh. Lại, vì pháp giới, đối tượng chướng ngại, như các lớp manh lưới của trời Đế-thích, khiến cho chủ thể chướng, đồng với đối tượng chướng cũng đều vô tận.

Nói phần tự, phần thắng tấn, số quyển thứ hai chép: Nhưng nói chung phần này có bảy lớp:

1. Y cứ vào phần sinh thực của một hạnh.
2. Y cứ hai hạnh, như hạnh thí sau đã thành tựu, tu giới, v.v...
3. Y cứ vào hai lợi để phân tích.
4. Y cứ vào vị hạnh để được vị là thắng tấn.
5. Y cứ vào so sánh chứng để phân biệt.
6. Y cứ vào hai vị, nghĩa là vị trước đã thành là phần mình, thu hưởng vị sau là thắng tấn.
7. Y cứ vào nhân quả, nhân thành phần mình mà nhập quả thắng tấn.

Nay, lớp thứ bảy này đối xứng với nhân viên của Phổ Hiền, thành hưởng về tánh, vì khởi quả khéo léo, nên văn số nói: bao gồm nhân và quả.

Hỏi: Y cứ vào nghĩa sau, nay tín mãn: chủ yếu là không, chung cho tên Thập tín, như vậy tín thứ mười gọi là tín mãn phải chăng?

Đáp: Chung cho tên Thập tín. Sao chưa nhập vị? Trước kia, thứ lớp tu tập tâm Thập tín, cũng lại một, hai, ba kiếp tu thêm mười tâm, nhập vị Sơ trụ, gọi là Tâm mãn, nên số quyển 4 chép: Nếu y cứ vào

chung giáo, thì tín này chỉ là phương tiện của giai vị Thập Trụ, tự không có giai vị riêng, nên kinh Bốn Nghiệp chép: Khi chưa thượng trụ có tên gọi của mười tâm này, nghĩa là:

1. Tâm tín.
2. Tâm niệm.
3. Tâm tinh tấn.
4. Tâm tuệ.
5. Tâm định.
6. Tâm không lui sụt.
7. Tâm hồi hướng.
8. Tâm hộ.
9. Tâm giới.
10. Tâm nguyện.

Tu thêm tâm này, một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, mới được nhập tâm trong Sơ trụ có thêm mười, thành gọi là bách pháp minh môn, gọi là nhập vào tập chủng tánh, nên biết không có vị, chỉ là hạnh phương tiện.

Hỏi: Một, hai, ba kiếp kia, nghĩa là kiếp trong muôn kiếp hay là kiếp ngoài?

Đáp: Vì kiếp trong muôn kiếp, nên số Luận Khởi Tín nói: Như kinh Bốn Nghiệp nói: Bồ-tát của tướng tín này, trong mười ngàn kiếp, thực hành pháp mười giới, sẽ nhập tâm Thập tín, nhập vị Sơ trụ.

**Giải thích:** Trong đây nói nhập vị Sơ trụ, nghĩa là giai vị Sơ phát tâm trụ trong mười trụ, cho đến vị này mới được tâm tín không lui sụt. Cho nên, cũng gọi là nhập tâm Thập tín, chẳng phải nói là Thập tín trở xuống của mười giải. Ý đã nói mười ngàn kiếp nhập vị Sơ trụ vị, không nói hơn mười ngàn, nên biết là nội kiếp.

Hỏi: Tâm mãn của Thập tín và trụ phát tâm đầu tiên có gì khác nhau?

Đáp: Vì hai tâm này không có khác nhau, nên Khởi Tín luận Sơ chép: Không phải nói là Thập giải về trước, Thập tín, v.v... Lại số thứ tư nói: Đây là y cứ tín sau cùng, Khởi Tín kia vì cứ ở đầu tiên trụ, nên không hai.

Hỏi: Nếu như vậy, thì Thập tín sau và tâm thành Phật, tức vị thành Phật, sao gọi là hạnh thành Phật?

Đáp: Vì nghĩa này so sánh khác, thể kia chẳng khác, ý không lui sụt vị cấp bậc, tức gọi là vị, nghĩa hạnh tâm tín, gọi là Hạnh.

Hỏi: Ba thừa của Chung giáo, tâm mãn của Thập tín thể hiện

tám tướng thành Phật, với tín mãn thành Phật của Nhất thừa có gì khác nhau?

Đáp: Tâm mãn kia đối với vị tín mãn này khi thị hiện thành Phật, đối với các vị sau đều không tự tại, vì chưa được, nên chỉ là vì đương vị tạm thời khởi hóa độ, còn vị Tín mãn này thì không phải như vậy, vì ở trong vị đầu tiên, khi khởi dụng này, đối với các vị sau đều khởi đồng thời, vì đều đã được, vì là hạnh thật, vì bao gồm sáu vị.

Hỏi: Về nghĩa ba thừa, Nhất thừa như thế, đâu có riêng đồng với Tín mãn, ở trên phần thắng tấn khởi dụng này phải chăng?

Đáp: Vì muốn dùng phương tiện để nói rõ Tín mãn thành Phật của Nhất thừa này, sao cho chúng sinh dễ dàng tin nhận, nên đối với giáo Nhất thừa kia, trước là đặt ra thuyết này.

Hỏi: Y cứ vào môn Nhất thừa, đã ở trong một vị có tất cả vị và tâm Tín mãn, tức được thành Phật, thì cần gì lại nói các vị sau?

Đáp: Nói các vị sau, tức là tất cả trong vị đầu tiên, như vị đầu tiên, vị sau cùng cũng giống như vậy.

Hỏi: Nếu sau đủ, ban đầu được, tức là sau được, cũng có thể ở vị sau cũng có đủ vị ban đầu, thì sẽ không được vị sau, lẽ ra cũng không được vị ban đầu phải chăng?

Đáp: Đúng vậy, khi vị đầu tiên đã được, thì vị sau đều được, nên được vị sau tất nhiên được vị ban đầu.

Hỏi: Sao được vị đầu tiên thì vị sau đều được?

Đáp: Đương đức của Nhất thừa tu hạnh pháp giới bao gồm trong một hạnh, tu tất cả hạnh cũng bao gồm một hạnh. Một hạnh tức nhiều này, phó thác ở tướng kiến của vị Chung giáo, thuận theo đã được một vị, thì tất cả vị kia, một thời gian đều sẽ được tự tại vô ngại.

Hỏi: Sao hạnh Nhất thừa tu tất cả hạnh trong một hạnh, trong tất cả hạnh cũng tu một hạnh?

Hỏi: Quán tất cả pháp như huyễn, như mộng, như điện chớp, như tiếng vang, như biến hóa v.v... Vì một hạnh tức tất cả bình đẳng, nên phẩm Phạm Hạnh chép: Quán tất cả pháp như huyễn, cho đến như nước.

Quán như thế, nghĩa là dùng phương tiện nhỏ, mau được tất cả công đức của chư Phật, cho đến lúc mới phát tâm, liền thành Chánh giác là bình đẳng. Về ý, y cứ vào hai dụ đầu. Năng lực thuật ra của nhà ảo thuật, ảo thuật ra một chiếc khăn mà tạo nên ngọn núi lớn và các thứ hình loại súc vật lớn, nhỏ, v.v... Một núi lớn này, hoàn toàn do một chiếc khăn hình thành, gia súc lớn, nhỏ cũng vậy. Thế đã không hai,

thì tướng kia đâu có khác, nên nêu một súc vật nhỏ, là nêu quả núi lớn, vì thể đều đã chấp lấy như thế. Thợ huyễn vô minh, năng lực thuật ra, huyễn ảo một pháp giới, tạo ra các thứ hình tướng y tha, một hạt bụi hoàn toàn là một pháp giới, thành ngọn núi lớn, v.v... Nhưng cố ý quán một hạt bụi thành như trò ảo thuật. Vì các pháp như núi lớn, v.v... đều bị lệ thuộc, nên thuận theo nêu pháp giới của một pháp, thì các pháp đều được nêu. Vì thế, một hạnh tất nhiên là tất cả hạnh, tất cả hạnh tức là một hạnh, nên phẩm Thập nhẫn chép (30): Bồ-tát này thâm nhập các pháp đều như huyễn, quán pháp duyên khởi, đối với một pháp hiểu rất nhiều pháp, trong rất nhiều pháp hiểu rõ một pháp v.v... Lại, kinh nói: Hoặc hiện trong khoảnh khắc tạo ra một trăm năm, năng lực huyễn tự tại, làm hài lòng thế gian. Như dụ mộng: người trong mộng, thấy từ lúc tuổi trẻ cho đến già, nhưng thức giấc thì sát-na như mộng. Các pháp cũng giống như thế, nên kinh nói: Ở trong mộng, nói là trải qua năm, thức giấc thì trong khoảng giây lát, nên thời gian dù vô lượng, nhưng thu nhiếp trong một sát-na, nên biết hạnh một niệm tức là hạnh vô lượng kiếp. Y cứ vào thời gian đã như thế, xứ, v.v... khác cũng như thế. Diệu nghĩa Nhất thừa chỉ lưu ý này, nên khi được vị ban đầu, thì đồng thời đều được.

Hỏi: Nếu được vị đầu tiên thì sẽ được tất cả vị. Sao các kinh luận nói các giai vị đều nằm trong thứ lớp?

Đáp: Vì trong kinh này an lập các vị có hai việc khéo léo:

1. Y cứ tướng, y cứ vào môn, trước sau của phần vị, nhờ đồng với ba thừa, vì dẫn tới phương tiện kia, nên thuộc về Đồng giáo.

2. Y cứ thể, y cứ vào pháp, trước sau nhập nhau, viên dung tự tại, khác với ba thừa kia, là biệt giáo, chỉ vì môn không đời đổi, mà thường tức nhau, không hoại tức nhau mà thường trước, sau. Cho nên, hai nghĩa dung thông không mâu thuẫn.

Hỏi: Nếu môn đầu như tín, v.v... này tức tất cả, nếu tự Biệt giáo, thì sẽ không y chỉ vị thành. Nay, nhờ vị Chung giáo của ba thừa nói, vì không lui sụt tín mãn trong giáo Ba thừa kia, mới được nhập vị. Nay, nhờ ba thừa kia được nhập vị, xứ trong cùng một lúc, được tất cả hành tướng của các vị trước, sau này. Cho nên, không đối với tâm đầu tiên của tín mà nói, vì chưa được không lui sụt, nên không thành tướng vị, vì chỉ là Hạnh.

Hỏi: Vì Tín mãn không lui sụt mới nhập vị, nên nói tâm mãn, lẽ ra phải trụ vị thành Phật, sao gọi là Tín mãn?

Đáp: Vì do tín thành, nên thuộc về hạnh Phật, chẳng phải Phật vị

(văn quyển thượng, hạ).

Hỏi: Y cứ vào văn nào, v.v... để lập thành Phật này?

Đáp: Công đức v.v... của một niệm của Bồ-tát sơ phát tâm, vì y cứ vào văn này để lập, nên phẩm Hiền Thủ Sơ nói: Đây là đối xứng với Sơ tín trong ba thứ phát tâm của luận Khởi Tín, vì thành tựu phát tâm, nên nói là đầu tiên, đồng với trụ Sơ phát tâm của văn dưới và phẩm Phát Tâm Công Đức. Đây là y cứ sau cùng của tín, vì sở phẩm Hiền Thủ kia y cứ vào sơ trụ, nên không hai. Lại, sở quyển mười tám chép: Nếu dùng hạnh thu nhiếp vị, thì tức tâm mãn của mười tín thành Phật, như phẩm Hiền Thủ nói. Một vết bánh xe lăn qua này, chẳng phải là Viên giáo. Xứ khác đều không có, chính là so sánh vây quanh của tông Nhất thừa. Luận Khởi Tín nói: Tín thành tựu phát tâm, nghĩa là Tín ở Thập trụ gồm lấy Thập tín. Tu tập tín tâm trong vị Thập tín thành tựu, phát tâm quyết định, tức nhập Sơ tâm của Thập trụ, gọi là Trụ phát tâm, tức mười tín hạnh mãn, gọi là thành tựu tín, vì tiến vào đầu tiên của Thập trụ, nên nói là phát tâm.

Hỏi: Sao phát tâm của phẩm này y cứ vào sau cùng của Tín để nói?

Đáp: Vì phẩm Hiền Thủ nói hạnh mười tín, nên y cứ tín mãn mà nói.

Sao đức hạnh của Bồ-tát tín mãn này sâu rộng vô biên?

Đáp: Sơ chép: Vì có bốn thứ khó, nên dù là sơ tâm, nhưng nay công đức này rộng lớn vô biên.

1. Xứ khó, nghĩa là ở chỗ sinh tử khổ não, mà phát tâm được, sinh ra đức rộng lớn này.

2. Thời khó: nghĩa là từ lâu đã phát tâm, hoàn toàn không dao động, chưa đủ là khó. Nay, vì trái với ở đây, nên sinh ra nhiều đức.

3. Cảnh khó: nghĩa là năng cầu Bồ-đề không có giới hạn này, vì tâm từ cảnh, nên rộng lớn.

4. Tâm khó: nghĩa là nếu phát tâm tiến, lùi, không nhất định, sinh đức không rộng, thì nay tức là sự rộng lớn này đã lâu.

Hương Tượng hỏi đáp rằng: Hỏi: Văn sao chép: y cứ vào pháp môn của tâm Bồ-đề đầu tiên, được pháp môn tín, cho đến mười ngàn kiếp thành Phật: Hạnh Phật chẳng phải vị Phật v.v... Đây là y cứ vào lúc hạnh Phật thành của Nhất thừa, là lối đi tắt của mười ngàn phải chăng? Hay là lúc của hạnh Phật thành trong ba thừa?

Đáp: Hạnh mãn của Thập Tín suốt mười ngàn kiếp trong ba thừa giáo, lại thị hiện chỗ hạnh Phật mãn của Nhất thừa, chẳng phải Phật

mãn của Ba thừa, cũng chẳng phải hạnh Phật mãn của Nhất thừa, chỉ mười ngàn kiếp không lay động.

Mười ngàn kiếp này không thể nói, không thể nói kiếp, mới hạnh Phật mãn thành.

Tám muôn kiếp, v.v... như thế, cho đến một kiếp, hai kiếp, cho đến nghĩa bình đẳng, so sánh suy nghĩ có thể biết.

Lý thứ ba thành Phật, sở quyển thứ ba chép: Ba y cứ vào lý, thì tất cả chúng sinh đều đã thành xong, chẳng phải mới thành, vì tướng khác đều cùng tận, nên ý nói: Tất cả chúng sinh đều lấy chân làm thể, thuận theo thể tánh của chân ấy, để giải thích về tướng khác nhau, tướng ấy đều cùng tận một vị bình đẳng, nên trước là Phật chung.

Hỏi: Phật là Đấng Giác ngộ, địa vị mê của chúng sinh sao lại dùng một vị chân làm thể, nên đều chung là Phật?

Đáp: Lấy một chân lý làm thể, tướng trên kia của chúng sinh cũng đều chẳng có khác nhau, cho nên, tất cả chúng sinh, người giác, được hiện bởi thân Phật, chúng sinh được Phật kia hiện ra, vì đồng với thân Phật, chủ thể hiện, nên chúng sinh đều thành Phật.

Hỏi: Sự thành Phật của Nhất thừa này chỉ y cứ vào lý mà nói hay chung cho sự mà nói?

Đáp: Chung cho lý, sự mà nói, vì ý Phật nói lý đối tượng y chỉ, gọi là lý. Các công đức của trí chủ thể y chỉ đều gọi là sự, sự lý này gọi chung là thân Phật. Vì được hiện bởi thân Phật, nên có thể đồng với đối tượng hiện, mà đầy đủ cả sự và lý.

Hỏi: Nếu như vậy thì tất cả chúng sinh phát tâm tu hành sẽ thành?

Đáp: Phát tâm tu hành mà thành, lại y cứ vào Phật Thích-ca. Sự phát tâm đầu tiên của Đức Thích-ca thu nhiếp tất cả chúng sinh, đều phát tâm xong, cũng thu nhiếp môn tu hành khổ hạnh khó làm trong vô số đại kiếp kia, đều tu hành xong, thu nhiếp môn thành Phật dưới cây Bồ-đề, đều thành Phật xong, cho đến Niết Bàn, cũng giống như thế.

Như một vị Phật như thế, môn thu nhiếp chư Phật ba đời mười phương cũng giống như thế, nên trước thành xong, sau sau mới mới cũng thành. Sự việc này như Phật, chủ thể hiện, chúng sinh, đối tượng hiện không thiếu một nghĩa, nên các vị cũng đầy đủ.

Hỏi: Sao biết môn thu nhiếp Phật thấy tất cả chúng sinh phát tâm tu hành, v.v... đều xong, cũng sau sau phát tâm tu hành cho đến thành Phật?

Đáp: kinh quyển ba mươi bảy chép: Trong thân Như Lai của Phật

tử đều thấy tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát, thành Đẳng chánh giác, cho đến thấy tất cả chúng sinh vắng lặng, Niết-bàn cũng giống như thế.

Lại, quyển 32 chép: Tất cả chư Phật vì điều phục giáo hóa tất cả chúng sinh, nên trong mỗi niệam thành Đẳng Chánh giác, chẳng phải không giác biết trước chánh pháp của chư Phật, cũng không trụ địa học mà thành Chánh giác. Số quyển thứ 16 giải thích: văn đầu tiên chép: Dưới đây, nói về môn thể hiện nhân quả (Đây là nêu văn), vì các chúng sinh có thân Bồ-đề, v.v... nên đều hiện ở trong đó, vì đối tượng hiện kia đồng với chủ thể hiện. Cho nên, chúng sinh đều thành Phật. Nếu Viên giáo, tức tất cả chúng sinh xưa nay đều phát tâm, cũng cuối cùng tu hành, cũng cuối cùng thành Phật, cũng cuối cùng không có mối thành, đầy đủ lời nói lý, sự, cho đến Niết-bàn, nghĩa là ở trong tám tướng, nêu vị đầu tiên, cho đến vị cuối cùng.

Hỏi: Giải thích văn đầu tiên này có bao nhiêu nhân?

Đáp: Kinh dùng mười nhân để giải thích, nên văn kinh chép: Đều một tánh vì không có tánh, nên không có tướng, không có tận, không có sinh, không có diệt, vì ngã chẳng phải tánh ngã, vì chúng sinh chẳng phải tánh chúng sinh, vì giác không có đối tượng giác, vì pháp giới không có tự tánh, vì cõi hư không chẳng có tự tánh.

**Sớ chép:** Vì sao chúng sinh đồng với tánh Bồ-đề? Vì lược dùng mười nhân để giải thích thành nghĩa này:

1. Vì chúng sinh y chỉ Bồ-đề, không có tự tánh. Cho nên đồng với Bồ-đề, thành chánh giác. v.v...
  2. Vì không có tướng tự nhiên.
  3. Vì không có đối tượng cùng tận.
  4. Vì xưa nay bất sinh.
  5. Vì chẳng có mối diệt.
- Bốn nhân trên đồng một câu.
6. Vì tánh ngã tự là không.
  7. Vì sự sinh của mọi duyên, chẳng phải là sinh.
  8. Lập ra trí giác vì không có đối tượng giác.
  9. Vì pháp giới, đối tượng y chỉ cũng không có tánh.
  10. Bản tánh giới, đối tượng y chỉ cũng không có tánh.

Hỏi: Làm sao giác biết tất cả chẳng có tánh như thế v.v...?

Đáp: Tiếp theo, kinh kết luận: Giác biết tất cả không có tánh như thế, v.v... trí vô tận, trí tự nhiên, tất cả đại bi không có cùng cực của Như Lai, độ thoát chúng sinh.

**Sớ nói:** Dưới đây, trí vô tận trong tổng kết, vì dụng soi rọi không có giới hạn, nên trí tự nhiên, vì không đợi công dụng. Đại bi không có cùng cực, vì đồng thể giáo hóa. Về đồng thể giáo hóa: Luận Khởi Tín nói: Duyên ngoài chúng sinh có hai thứ:

1. Duyên khác nhau.

2. Bình đẳng bình đẳng: Tất cả chư Phật, Bồ-tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sinh, tự nhiên huân tập, thường hằng không bỏ, vì năng lực trí đồng thể, nên thuận theo thích ứng với thấy, nghe mà thể hiện sự tạo nghiệp, cái gọi là chúng sinh y chỉ tam-muội, mới được bình đẳng, vì thấy chư Phật.

**Sớ chép:** Ở trong đó nguyện độ chúng sinh, nghĩa là tâm bình đẳng. Tự nhiên, v.v... nghĩa là thường dùng ứng với căn cơ, vì năng lực trí đồng thể, giải thích thành dụng thường.

Thuận theo ứng v.v...: Chỉ bày rõ tướng dụng của lực, trí kia.

2. Nói đối với căn cơ, nói lên rõ nghĩa bình đẳng, nghĩa là Thập trụ trở lên, các Bồ-tát đồng y chỉ năng lực tam-muội, đều thấy lượng thân của chư Phật bình đẳng, không có tướng phân chia giới hạn kia, đây, nên nói rằng kiến bình đẳng.

Hỏi: Tất cả chúng sinh đều thành Phật, sao hiện tại có chúng sinh không tức là Phật?

Đáp: Vì cái thấy của quyền giáo này khác nhau, đối với Viên giáo, căn cơ xưa nay thành Phật.

Hỏi: Căn cơ nào thấy khác nhau?

Đáp: Nếu đối với địa vị của hàng trời, người thì sẽ đầy đủ vật thật của hai ngã: nhân và pháp. Nếu trong giáo Tiểu thừa, thì sẽ xem chúng sinh này chỉ là năm uẩn của một nhóm, pháp thật xưa nay chẳng có nhân. Nếu giáo đầu tiên của Đại thừa, thì do Duy Thức hiện, như trò ảo thuật, dường như có, đương tướng tức không, chẳng có nhân, chẳng có pháp. Nếu y cứ vào chung giáo thì đều là duyên khởi của Như Lai tạng.

Nêu thể tức đủ đức, như cát sông Hằng, chính là vì chúng sinh không thêm, không bớt. Kinh nói: Chúng sinh tức pháp thân, pháp thân tức chúng sinh. Chúng sinh, pháp thân, nghĩa một, mà tên khác.

**Giải thích:** Tông này y cứ vào lý, chúng sinh tức là Phật. Nếu y cứ theo Đốn giáo, thì tướng chúng sinh xưa nay cùng tận lý tánh, xưa nay sáng tỏ, rõ ràng tự lộ ra, lại không có đối tượng chờ đợi, đối đãi, nên chẳng thể nói tức thật, không tức, v.v... Như ý mặc nhiên v.v của Tịnh Danh (văn, số) nên đối tượng thấy khác.

Nay, ông y cứ vào trong quả vị của hàng trời, người đầu tiên, quán đương tướng của chúng sinh kia, ngay nơi không cũng chẳng được, huống chi lại được thấy sự trong viên giáo, nên ông thấy hiện có chúng sinh, ta không y cứ việc kia để nói thành Phật ở đây, chỉ khiến tình kiến nếu phá bỏ, thì pháp giới sẽ viên hiện tất cả chúng sinh thành Phật, gọi là giáo hóa rốt ráo, chẳng đồng với tông khác, nên trong kiết dưới gọi là đại bi vô cực của Như Lai độ thoát chúng sinh.

Hỏi: Y cứ giải thích văn kết, giống như y cứ vào lý để nói, vì sao trong tiêu biểu có nhân của năm vị phát tâm v.v thành quả của tám tướng thành Phật?

Đáp: Đây là dùng môn pháp tánh dung thông để giải thích, nghĩa là sự thuận theo lý để dung thông nên được tức nhau, nhập nhau. Lại, trong giáo pháp khác, quán vô sinh, chỉ soi rọi lý tánh. Trong Viên giáo này đầy đủ tất cả pháp Phật, Bồ-tát y theo tông suy nghĩ.

Sớ quyển thứ 15 giải thích kinh sau rằng: Trong bảy Chánh giác tự tại có hai cách giải thích:

1. Thuận theo văn giải thích. Nghĩa là tất cả đều vì điều phục hóa độ, vì tự đối tượng hóa độ nên đều chỉ bày thành chánh giác, nên nói: Niệm niệm chẳng phải là một Đức Phật. Đã chỉ bày thành, thì chẳng phải trước không hay biết, nay vì là thử giác, nên nói: Không phải không giác biết trước v.v... Đây là thể hiện dụng của hóa thân.

2. Y cứ vào nghĩa để giải thích: Một Phật tức khắp tất cả chúng sinh, quanh khắp cát bụi mười phương, cùng tận ba đời, niệm niệm đồng thời, trước sau đều thành Chánh giác. Đây là thật thành, chẳng phải hóa, chỉ vì không thành, thì đã thành, thì xưa nay thành, nên nói: Chẳng phải không hay biết trước, v.v... vì thu giữ ba đời cùng tận, nên không có xét lại, sẽ không thành, cho nên nói: Không trụ học địa v.v... Đây là y cứ vào tông để suy nghĩ.

Hỏi: Ba thứ thành Phật này hoặc chung lẫn nhau hay đều riêng?

Đáp: Về lý thành Phật, có thể chung cho hai thứ trên, hai thứ trên không chung.

Hỏi: Sao lý thành Phật chung cho hai thứ thành Phật trên?

Hỏi: Tín mãn thu nhiếp các vị cũng y cứ vào thuyết sự lý dung thông. Vì thu nhiếp các vị như trụ, v.v... cũng giống như thế, nên văn của chương chép: Nhưng vô tận này đều ở trong môn đầu, nên kinh này nói: Biển công đức v.v... một niệm của Bồ-tát sơ phát tâm, cho đến lại nói: lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác.

Hỏi: Một niệm tức thành Phật nói ở trên, nghĩa là trong Ba thừa

đã có nghĩa này, đâu có khác với niệm này?

Đáp: Ba thừa hưởng về lý là một niệm tức thành Phật. Nay, Nhất thừa này được đầy đủ tất cả giáo, nghĩa, lý, sự, nhân, quả.

Tất cả pháp môn như trên và tất cả chúng sinh đều đồng thời thành Phật. Về sau, có thể mới dứt hoặc, cũng không trụ địa học mà thành Chánh giác, đầy đủ mười Đức Phật, để nói lên tính chất thuận, nghịch vô tận, nên đến các vị chung khắp chín đời, mười đời, v.v... của lưới nhỏ nhoi Nhân-đà-la, nghĩa là tâm sau cùng của mười Tín trở lên, mười giải, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa và Phật địa, v.v... đồng thời thành khắp, chẳng có trước sau, đầy đủ tất cả. Nhưng, một niệm này chẳng khác với trăm ngàn kiếp.

Hỏi: Nếu như vậy thì chỉ có thể lập hai thứ thành Phật, sao lại lập ba thứ thành Phật?

Đáp: Vì một, hai hẹp, một thứ sau rộng, nên lập riêng. Vì sao? Vì lý thành Phật cũng chung cho tín mãn, tất cả địa vị phạm phu về trước. Một, hai thứ giới hạn ở Tín mãn và vì trụ nên có rộng, hẹp này.

\* Thứ hai, giải thích môn quyết định được con người. Trong đó có hai:

1. Nói ba thứ thành Phật, có thể được con người riêng.
2. Con người xuất ly, mau chóng thành Phật khác nhau.

Ba thứ thành Phật ở phần đầu, người của chủ thể đắc, hoặc đồng, hoặc khác. Vì sao? Vì hạnh của một người, nhờ ở môn tín, nên là hạnh thành Phật. Vì nhờ trụ nên tức vị thành Phật. Tức lý sự ở đây, vì tức nhập Phật, nên gọi là lý thành Phật, cho nên đồng. Nên sơ quyển bốn chép rằng: Hỏi: Chẳng hay Phật Xá-na này là Phật trong địa vị nào? Đáp: Nếu nói về pháp tín, tức vị Phật trong tín, vị khác cũng giống như thế.

Y cứ vào đây để biết, nhưng về lý thành Phật chung cho tất cả phạm phu khác, và vì phi tình, v.v... nên là khác. Sau, nói về loại mau chóng thành Phật, gồm có bốn người:

1. Y chỉ thân mười thế giới của tánh thế giới, hiện thân con của Luân vương thành Phật, như đồng tử Phổ Trang Nghiêm bình đẳng.
2. Dựa vào thân thiên tử vượt hơn, từ ba đường ác, sinh lên cung trời Đâu-suất, hiện thân thành Phật.
3. Y chỉ thân công đức vượt hơn của Diêm-phù-đề, như hiện thân Thiện Tài, v.v... cuối cùng là hạnh Phổ Hiền, sinh sau liền thấy Phật.
4. Y cứ kinh Pháp Hoa, chép: Nghĩa thân của Long nữ thành Phật ở phương Nam, thân lưu hoặc ở vị lai, mau chóng được thành Phật (Văn

bút tứ của Khổng Mục).

Thanh Kheo Ký chép: Mười hiện thân thành Phật bình đẳng:

Hỏi: Đồng tử Phổ Trang Nghiêm đi tắt kiếp số như cát bụi của thế giới hai Đức Phật, tu hành thành Phật, vì sao một đời thành Phật?

Đáp: Thân phần đoạn của người này tức là thành Phật nên một đời thành Phật.

Hỏi: Dùng văn nào làm chứng?

Đáp: Sư Tạng nói: 1. Y cứ vào vị, sau phần thắng tấn, tâm sau cùng của mười tín, nhập mười giải, tức thành quả Phật.

**Giải thích:** Tâm sau cùng của mười Tín tức thành Phật, nên biết một đời thành Phật.

Thiên tử Đâu-suất vây quanh thân thành Phật: Người này ở quá khứ, nhờ nghe kinh, nên dù đọa ba đường ác, mà vì gốc lành của người đó, thân dựa vào ánh sáng của tướng nhỏ sáng suốt từ địa ngục ra, sinh lên cõi trời Đâu-suất. Thân trời này là thân giải, hạnh, vì thân này tức thành Phật, nên một đời thành Phật. Lại, đồng tử Thiện Tài một đời thắng tấn, gặp thiện tri thức liền thành Phật. Thân Long nữ thành Phật ở phương Nam, người nữ này cũng y chỉ giáo Hoa Nghiêm, tức là để lại hoặc, được thân long nữ, ngay thân này thành Phật, nên nói rằng: Một đời thành Phật. Nay, xem xét ý ghi nhận này, đồng tử Phổ Trang Nghiêm hiện thân thành Phật là một đời phần đoạn, e rằng không thuận với văn. Vì sao? Vì xét văn kinh: Một kỳ hạn hiện thân thì hiểu Nhất thừa. Đây tức là vì hành tướng trong giải, hạnh sinh.

Ngũ giáo quyển hạ chép: Lại, Thiện Tài kia có thể ở trong một niệm hóa độ chúng sinh nhiều không thể nói, không thể nói, một lúc đều đến trước tam-muội Ly cấu. Trong niệm niệm khác, cũng đều như thế, cho đến đây là hành tướng bên trong địa vị giải, hạnh ở ba đời trước. Phần đoạn sinh là chung cho thấy, nghe, v.v... nên chẳng phải đời này.

Hỏi: Sao Đồng tử này có danh hiệu là Phổ Trang Nghiêm?

Đáp: Đức khắp pháp giới, nói là Phổ, đức khắp trang sức giao tiếp là Nghiêm; nghiêm khắp của phổ tức nghiêm, là đồng tử Phổ Nghiêm, Phổ Nghiêm tức đầy đủ.

Bốn mới gọi Thái tử Đại Oai Quang. Nay, trong bốn này, Thái tử có tên là Công Đức Thắng. Nay, đồng tử này là Vương tử thứ ba, cả hai số đều chẳng có giải thích, hãy xét ở văn khác.

Phần phước của vua cha và Thái tử. Vì phần tuệ của đồng tử này là đồ dựng đạo.

Hỏi: Sao Vương tử này gọi là con của thế giới tánh Luân vương?

Đáp: Sở quyển thứ ba chép: Thế giới tánh trong đây, nghĩa là chứa nhóm thế giới thành tánh, chứa nhóm tánh thành biển, v.v... như trên đã dẫn thuyết của Trí luận (Luận Trí Độ). Lại, văn ở dưới nói: Ở trong biển thế giới có tánh thế giới, trong tánh thế giới có một thế giới, v.v... nên biết do chứa nhóm mà thành.

Vì sao gọi là Tánh? Có hai nghĩa:

1. So sánh với các cõi trước, thu nhiếp các dòng loại, kết thành tánh, như gom nhóm lâu thành tánh v.v...

2. Vì so sánh với nghĩa nhân hữu vi của biển v.v... ở sau, nên cũng được gọi là Tánh.

Hỏi: Chứa nhóm giới thành giới tánh cũng là nghĩa nhân. Sao không gọi là Tánh?

Đáp: Vì không có kết thúc dung thông, nên thiếu nghĩa ban đầu.

Hỏi: Biển trong mười thế giới, so sánh với giới sau, cũng chứa nhóm thành giới khác, sao không gọi là Tánh?

Đáp: Sự chứa nhóm ban đầu kết hợp với thu nhiếp xong, được gọi tên là Tánh. Sau, mở ra nghĩa khác, vì chuyển sang lập tên riêng, nên không gọi là Tánh.

Trên đã dẫn Trí Luận chép: Nếu y cứ Chung giáo, như trong Luận Trí Độ nói: Dùng Tam Thiên đại thiên thế giới làm một số, đếm đến số cát sông Hằng là một tánh thế giới, đếm biển này lại đến số cát sông Hằng là một chủng thế giới. Đếm biển này lại đến vô lượng số cát sông Hằng là sự phân chia xếp đặt đối tượng hóa độ của một thế giới Phật. Lại nói: Ngoài thế giới Tam Thiên có riêng tướng râu sen vây quanh phần viên vầng biển tánh của mười thế giới. Các tướng này đối xứng với cảnh giới Luân vương trở lên.

Hỏi: Sao Đồng tử Phổ Trang Nghiêm như thế lại đối xứng với con của Luân vương trở lên trở lên trong muôn người con?

Đáp: Vì văn kinh nói: Hai muôn năm ngàn người con, nên biết con của Luân vương trở lên trong muôn người con. San Định Ký chép: Ba hữu có hai cách giải thích:

1. Nói rằng: Vương tử có năm trăm người, bốn khác nói: Hai muôn năm ngàn người: Xét kinh Anh Lạc chép: bánh xe ngàn cãm của Kim Luân vương, cho đến Bồ-tát địa thứ mười đều có hai muôn người con.

**Giải thích:** Bồ-tát địa thứ Mười cũng hiện làm vua sẽ không có hai muôn năm ngàn. Xét sự vui mừng được thống lĩnh và chưa thấy mắt Phật khéo thấy Ba-la-mật. Trước kia, cũng là địa thứ hai vị chí, e rằng

hai muôn năm ngàn người con là lầm.

2. Nói rằng: Y cứ vào giáo nói là khác, về mặt lý cũng không có lỗi. Nay, nói rằng, sau thuận với sự hội nhập của số gốc. Sự giải thích đầu tiên trái với văn, rằng kinh Anh Lạc kia y cứ vào Ba thừa, nên số chép:

Hỏi: Tất cả Luân vương trong Niết-bàn đều quyết định có một ngàn người con không thêm, không bớt, vì sao trong đây nói khác nhau?

Đáp: Người kia là vua, Luân vương của bốn thiên hạ. Y cứ vào thuyết của Ba thừa, thì đây là vì Luân vương của thế giới tánh của vua, nên lại xét rộng trong kinh kia, như mảnh lưới báu v.v... của Đế-thích, vì được chiêu cảm bởi phước của kim Luân vương, như số cát sông Hằng. Đây là y cứ thuyết Nhất thừa khác nhau. Nay, xem xét riêng về thuyết mà số của bốn kinh đã nói, rất có đạo lý. Vì sao? Vì số phu nhân mới, xưa, vốn nói chung là ba muôn bảy ngàn người, cũng đồng với nói rằng, tuổi thọ của con người là hai tiểu kiếp. Nói tiểu kiếp: Pháp Hoa Số quyển 2 của ngài Khuy Cơ chép: Tức dùng ngày, tháng, năm v.v... là kiếp, nên gọi là Tiểu. Hòa-thượng Nguyên Hiếu nói về nghĩa kiếp: Đại Luận nói rằng: Thời tiết, năm vô lượng, gọi là Tiểu kiếp. Đã trong nhiều thời gian, có hơn ba muôn phu nhân, đâu thể không có hơn hai muôn người con, nên biết với thời gian tám muôn năm, tuổi sống lâu của con người Ba thừa, khi Luân vương ra đời, thì hoàn toàn khác. Hoặc hỏi: Thiên tử Đâu Suất thứ hai, vị nào thành Phật?

Đáp: Thiên tử Đâu-suất thứ hai.

Hỏi: Thiên tử này đọa vào địa ngục và sinh lên tầng trời nào?

Đáp: Kinh nói rằng: Chỉ vì điên đảo, ngu si ràng buộc, nên có thân địa ngục. Lại nói rằng: Vì không buông lung, nên đã trồng gốc lành ở chư Phật, vì gặp thiện tri thức, vì sức của Xá-na cảm thành, nên sinh trên tầng trời này.

Hỏi: Thiên tử này có được được ích gì?

Đáp: Phần lớn có hai lợi ích:

1. Lợi ích địa ngục.
2. Lợi ích sinh trên cõi trời.

Trong phần một có hai:

1. Lợi ích dứt khổ.
2. Lợi ích được mười thứ sáu căn thanh tịnh.

Trong lợi ích trên cõi trời cũng có hai thứ:

1. Nghe giáo được lợi ích.
2. Lợi ích của truyền thông.

Nhưng lợi ích sinh lên cõi trời gồm thâu lợi ích địa ngục. Vì sao? Vì thân địa ngục được lợi ích bởi ánh sáng che mát, nên văn số chép: Một ích soi rọi địa ngục, sinh lên cõi trời.

Hỏi: Nếu như vậy thì lợi ích sinh lên cõi trời này là gồm thâu dứt khổ hay gồm thâu các căn thanh tịnh?

Đáp: Chung cho cả hai việc gồm thâu. Vì sao? Vì dựa vào dứt khổ, tịnh hóa các căn mới được sinh lên cõi trời.

Hỏi: Sao sự lợi ích này sơ nói rằng: vượt hơn đối với lợi ích khác. Số chép: Vì một ích soi rọi địa ngục, sinh lên cõi trời, nên vượt hơn các lợi ích khác. Ý nói vì dứt khổ, sinh lên cõi trời v.v... là một lợi ích, nên gọi là vượt hơn lợi ích khác.

Lợi ích nghe giáo trong lợi ích trên cõi trời thứ hai: Trong đó có bốn:

1. Lợi ích của trời Đâu-suất khác.
2. Lợi ích của trời Dục.
3. Lợi ích của thiên nữ.
4. Lợi ích của thiên tử đương cơ.

Lợi ích đầu tiên: Kinh nói: Khi Phật nói pháp này, trăm ngàn muôn ức na-do-tha số cát bụi cõi Phật, thiên tử Đâu-suất trong các thế giới đều được Vô sinh pháp nhẫn.

Lợi ích thứ hai: Vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ các thiên tử cõi Dục, đều phát tâm Bồ-đề.

Lợi ích thứ ba: Tất cả thiên nữ trong sáu tầng trời cõi Dục, bỏ nữ, thành nam, được tâm Bồ-đề không lui sụt.

Lợi ích thứ tư: trong đó có bốn lợi ích:

1. Lợi ích thu nhiếp vị: Nghe nói gốc lành hồi hương của Phổ Hiền, đều được các năng lực của mười địa, trang nghiêm đầy đủ tam-muội. Hồi hương gốc lành: Xem xét phẩm Ly thế gian thứ năm mươi lăm, rằng Bồ-tát có mười gốc lành hồi hương:

1. Vì gốc lành của ta đồng với thiện tri thức, nguyện thành tựu như thế, chớ thành tựu riêng.

2. Đồng tâm.
3. Đồng hạnh.
4. Đồng gốc lành.
5. Đồng bình đẳng.
6. Đồng niệm.
7. Đồng thanh tịnh.
8. Đồng đối tượng trụ.

9. Đồng thành tựu viên mãn.

10. Đồng không hư hoại.

Mỗi mỗi văn trên dưới, đầy đủ như văn đầu.

**Sớ chép:** Vì gốc lành đã thuận đồng với bạn lành, nên nói rằng, cũng một, hai gốc lành đồng với tâm (lược sớ: sơ nhị đồng với tâm nguyện. Tiếp theo, một đồng hạnh, tiếp theo hai đồng tu (tu sự, lý). Kế là hai đồng đối trị, nghĩa là chánh niệm, chủ thể trị hiện tiền, đối tượng trị, thanh tịnh đã lia (chánh niệm là chủ thể trị, thanh tịnh, là đối trị thanh tịnh).

Kế là một đồng trị, hai lài đồng chứng (hai gốc lành sau đều được rốt ráo).

Các năng lực trang nghiêm: Không có giải thích sáng suốt văn, nhưng sớ quyển mười sáu chép: Được Đà-la-ni vô tận, gọi là thành tựu các năng lực.

Nếu y cứ mười tín mỗi mỗi trở đi là Bồ-tát. Nếu Bát địa Ba thừa trở lên thì có khả năng thọ lãnh pháp này, so sánh với đây có thể biết rõ.

Các năng lực của mười địa: Là nói theo môn phó thác.

2. Lợi ích của hạnh thành, nghĩa là đều thành tựu nghiệp thân, miệng, ý lành của cõi chúng sinh, v.v... tức là văn sám hối ba nghiệp của pháp giới ở trên.

3. Lợi ích chướng diệt, tức diệt tất cả chướng đều được thanh tịnh, tức nghe hương cúng dường ở văn dưới, nghĩa là diệt tám mươi bốn ngàn phiền não.

4. Lợi ích được thấy Phật: Thấy trăm ngàn muôn ức na-do-tha số cõi nhiều như bụi cát, hoa sen bảy báu, trên mỗi hoa đều thấy Bồ-tát đang ngồi kiết già, phát ra ánh sáng rực rỡ. Trong ánh sáng đó, thấy chư Phật của cõi chúng sinh, v.v... đang ngồi kiết già, thuận theo đối tượng nào đáng độ mà nói pháp cho nghe. Nhưng, văn tổng kết chép: vẫn như thể được ít phần tam-muội kiến lia. Trong San Định Ký, mở rộng lợi ích tam-muội là năm lợi ích.

Hỏi: Bốn loại, v.v... này đều là người được lợi ích ở địa ngục phải không?

Đáp: Không phải, vì loại thứ tư là người được lợi ích của địa ngục.

Y cứ vào địa ngục, người được lợi ích có hai lợi ích: Tức lợi ích của cờ và ánh sáng của vua, chúng sinh địa ngục trong ngàn cõi sát trần, đều được lợi ích bởi ánh sáng thanh tịnh.

Hỏi: Sáu mươi ức na-do-tha số bụi cõi Phật, loại nào thuộc về chúng sinh địa ngục?

Đáp: Chung cả hai loại.

Hỏi: Trong hai loại này, thiên tử được gọi là người căn cơ đối xứng, chẳng phải ba loại đầu tiên ư?

Đáp: Hai loại người này, xưa thấy, nghe pháp khắp, vì gieo trồng hạt giống kim cương, nên nay gặp ánh sáng Xá-na, mau hiểu vị nhân cùng cực, người khác không đúng như vậy, nên hai loại này là căn cơ của Nhất thừa.

Hỏi: Nếu như vậy thì ba loại đầu tiên được lợi ích của địa nào?

Đáp: Sơ chép: lợi ích trước hai địa này là lợi ích của truyền thông thứ hai, lại có ba thứ:

1. Lợi ích của hoa, vì thấy rộng chư Phật.
2. Lợi ích của hương, vì diệt nhiều hoặc chướng.
3. Lợi ích của lọng báu, vì rộng thành hạnh lớn, nên thiên tử Ý Đâu-suất có căn cơ thích đáng, mỗi lỗ chân lông đều hóa thành hương, hoa xinh đẹp, mây lọng báu, cõi chúng sinh v.v... để cúng dường Phật Xá-na, tức thiên tử này rải hương, hoa xông, thấy các Đức Như Lai trong mỗi đóa hoa.

Bấy giờ, mây hương kia xông khắp vô lượng số cõi Phật, thế giới chúng sinh nhiều như bụi, chúng sinh đó nhờ hương mà tám muôn bốn ngàn nghiệp chướng phiền não đều được dứt trừ, đầy đủ gốc lành sáng suốt của ánh sáng tự tại. Nếu nhìn thấy lọng báu, là đã gieo trồng gốc lành với một số cát sông Hằng vua Chuyển luân Thánh vương. Rộng như kinh nói.

Hỏi: Vì sao sự lợi ích này được gọi là thông truyền, thành hạnh vô tận?

Đáp: Thấy vị thiên tử đầu tiên, sau khi đã cúng dường hoa, hương, lọng báu, về sau sẽ được lợi ích vô tận. Thiên tử Ý tự đã cúng dường trong mỗi một đóa hoa, nhìn thấy các Như Lai, chúng sinh nhiều như cát bụi nhờ hương mà thiên tử đã dâng cúng, được lợi ích diệt chướng. Có các chúng sinh thấy thiên tử này đã dâng cúng thứ mây lọng báu, gốc lành của Luân vương của một số cát sông Hằng. Luân vương này phát ra ánh sáng tự tại Mạn-đà-la, có các chúng sinh gặp ánh sáng này, đều được Thập địa Bồ-tát, đều được trí của vô lượng hữu tình, được mười sáu căn, thành tựu tam-muội tịnh lực. Tam-muội này tức nhất tướng tùy thuận, năng lực sáng suốt của một hữu tình, thông truyền đi thành vô lượng hạnh như thế, vì ánh sáng của tướng khác cũng giống như thế,

nên số chép: Vì ánh sáng này chọn ra chung là năng lực sáng suốt của một ánh sáng trong một tướng nhỏ. Một ánh sáng đã như thế, ánh sáng khác cũng như thế. Một tướng nhỏ đã như thế, thì tướng nhỏ khác cũng như thế. Tướng nhỏ đã như thế, ngoài ra, biển, v.v... của tướng lớn khác thì chẳng thể nói, chẳng thể nói. Ý vẫn như thế, hãy suy nghĩ sẽ biết.

Nói chúng sinh như thế, v.v... đều trước là người tu việc lành, nói đời trước có thấy, nghe Nhất thừa, vì tu gốc lành của Phổ Hiền.

Hỏi: Một vị Luân vương của số cát sông Hằng là vị nào?

Đáp: Vì vị Thập địa, nên số chép: Ở lỗ chân lông của vị thiên tử này phát ra hương hoa, lọng báu, v.v... Lại, lợi ích chúng sinh sao cho Luân vương cũng được Thập địa.

Hỏi: Sao không nói hai số cát sông Hằng Luân vương v.v... mà lại nói một số cát sông Hằng?

Đáp: Số chép: Đầu tiên là nói vì thấy chiếc lọng báu của pháp môn pháp giới này, nên được gốc lành của một số cát sông Hằng Luân vương, đều như lưới báu v.v... thanh tịnh, đây là Luân vương của muôn người con trở đi trong tánh thế giới, như Ái kiến, Thiên Tuệ vương, v.v... chẳng phải là vua bốn châu, v.v... một ngàn người con của Kim Luân, nghĩa là một Luân vương của lưới báu thanh tịnh của số cát sông Hằng, gốc lành tạm thấy lọng báu này được thành tựu ngay.

Thứ ba, là đồng tử Thiện Tài. Nói Thiện Tài: Do tướng của báu của phước báu này khởi lập danh hiệu Thiện Tài, tức Thiện là nhân, Tài là quả. Lại, vì được của cải thuận với đạo này, nên nói là Thiện Tài. Lại, lúc sinh của báu hiện ra là Tài, về sau khen đức hạnh của Thiện Tài là Thiện, như Thiện Hiện từ hư không sinh, v.v... Lại, Trí Độ Luận giải thích:

1. Thường Đề, v.v... So sánh với nghĩa này rất dễ hiểu.
2. Mười câu trong khen đức hạnh của Thiện Tài là năm cặp. Đầu tiên, từng vâng giữ hạt giống lành của Phật, nói Thiện Tài này đã từng gieo trồng gốc lành của phần giải thoát từ đời trước.
3. Ưa thanh tịnh, gần gũi bạn lành.
4. Tu ba nghiệp.
5. Cầu tu pháp quả.
6. Tâm thanh tịnh, đầy đủ hạnh, vì tâm không có niệm khác, nên thanh tịnh như hư không. Lại, vì không có biểu hiện phiền não (văn số quyển mười tám).

Hỏi: Đồng tử này là vương tử hay con của Trưởng giả?

Đáp: Văn kinh chỉ nói có năm trăm Đồng tử, gọi là Thiện Tài,

v.v... không nói cha mẹ của đồng tử đó. Nhưng y cứ trong nhà của Đồng tử, có bảy kho báu lớn, nên có lẽ là con của Trưởng giả, vì không thấy nói ở trong cung, nên chẳng phải Vương tử. Dù chẳng phải vương tử, nhưng vì đã cảm được bảy báu, nên Khổng Mục, v.v... nói là thân thù thắng Diêm-phù-đề.

Hỏi: Sao đồng tử này cầu thiện tri thức, còn người khác lại không cầu?

Đáp: Vì gốc lành quá khứ của người này, hiện nay cũng đang cầu bạn lành, nên kinh chép: Đồng tử này từng cúng dường chư Phật trong quá khứ, trồng sâu gốc lành, thường ưa thanh tịnh, gần gũi thiện tri thức, thân, miệng, ý thanh tịnh, tu đạo Bồ-tát, cầu trí Nhất thiết.

Hỏi: Văn-thù bảo Thiện Tài nên tìm bạn lành, như có đối tượng biểu hiện gì?

Đáp: Vì sơ nói, gồm có bảy:

1. Vì làm khuôn phép, nghĩa là cầu pháp, nói phép tắc, mẫu mực của pháp.

2. Vì hạnh duyên vượt hơn, nghĩa là cốt yếu của thành hạnh, đều lấy bạn lành làm đầu.

3. Vì phá bỏ kiến chấp tăng thêm, khiến cho Bồ-tát mới học Thiện Tài, v.v... phá tan sự kiêu hãnh, ngã mạn của mình, vì kiến chấp.

4. Vì nhờ thành hạnh, tức là hạnh tìm bạn lành và cầu pháp.

5. Vì làm sáng tỏ vị, nên rộng nhờ bạn lành, biểu thị rõ năm vị như tín, v.v...

6. Vì chỉ bày rõ sự sâu rộng, vì biểu dương pháp Phật rộng lớn, nên dù vị rất xứng đáng, nhưng ta chỉ biết một pháp môn này. Thiện Tài lập vị cho đến đấng vị rằng: Ta chưa biết thế nào là hạnh Bồ-tát, v.v...?

7. Vì chỉ bày rõ duyên khởi, nên Thiện Tài và bạn lành đồng thành một duyên khởi. Vì chủ thể nhập, đối tượng nhập không có hai tướng, cho nên, không có Thiện Tài ngoài bạn lành, nên chứng tỏ một tức tất cả, là chứng minh Thiện Tài trải qua nhiều giai vị. Không có bạn lành ngoài Thiện Tài, nên rõ ràng tất cả tức một, nói nhiều vị thành tồn tại ở Thiện Tài.

Hỏi: Thế nào là bạn lành?

Đáp: Nghĩa bạn lành này có ba thứ:

1. Nhân.

2. Pháp.

3. Hợp giải thích.

**1- Trong loại đầu tiên có sáu:**

1. Có người dù năng cứu vớt nổi khổ, nhưng không khuyến khích tu điều lành, thì chẳng phải bạn lành chân thật.

2. Dù khuyên tu việc lành của đời, tránh khỏi đường ác, nhưng không khuyên mọi người hướng tới xuất thế, thì cũng chẳng phải bạn lành.

3. Mặc dù tu hai hạnh, nhưng chẳng phải khuyên tu đạo Bồ-tát.

4. Dù tu đạo Bồ-tát, nhưng cũng còn tướng lành.

5. Chủ yếu khuyên chúng sinh tu hạnh vô tướng, là bạn lành chân thật.

6. Chủ yếu khuyên khiến tu đủ pháp hạnh của Phổ Hiền, mới là chân thiện tri thức chân thật rốt ráo.

**2. Pháp: Thiện tri thức cũng có sáu lớp:**

1. Pháp trời, người.

2. Pháp Nhị thừa.

3. Pháp Sơ giáo.

4. Pháp Chung giáo.

5. Pháp Đốn giáo.

6. Pháp Viên giáo.

Vì y chỉ các pháp này để trở thành chánh hạnh, nên gọi là bạn lành.

**3. Trong phân hợp giải thích cũng có sáu lớp.**

Đối với pháp của sáu vị trên, mỗi vị đều nói một môn, vì trao cho cơ duyên thì nhân pháp giải thích song song.

Giải thích văn dưới, các thiện tri thức đều có đủ ba vị trước. Trong ba vị này, mỗi vị đều có đủ ba nghĩa, như số mười tám, nhưng các thiện tri thức thường có thuyết khác, như số quyển mười tám và thuyết cương mục.

Hỏi: Y cứ Đồng tử này để chia ra ba sinh nào?

Đáp: Y cứ vào tông viên giáo có ba vị:

1. Vị thấy, nghe, tức là Thiện Tài. Kê là sinh thân trước, vì thấy, nghe đúng như pháp Phổ Hiền, vì thành gốc lành của phần giải thoát kia nên văn khen đức: Đồng tử này đã từng cúng dường chư Phật quá khứ, gieo trồng sâu gốc lành. Lại, phẩm Tánh Khởi chép: Văn quyển ba mươi bảy: Thế nào là tri kiến của Bồ-tát? Đã gieo trồng gốc lành cúng dường cung kính, đã thấy nghe Như Lai. Bồ-tát này là gốc lành đều không giả dối. Công đức vô tận, lìa tất cả ái, cuối cùng quả báo giải thoát không giả dối, đầy đủ các nguyện trong tất cả pháp hữu vi, không

thể cùng tận, mà có khả năng thuận theo trí tuệ vô vi, khởi trí chư Phật, tận cùng mé vị lai. Các Phật kia địa ấy đầy đủ như trong phần ghi chép rộng.

2. Giải, hạnh sinh, nghĩa là tu ngay, pháp hạnh của năm vị như thế, như Thiện Tài, sinh này đã thành đến vị Phổ Hiền (văn số). Lại, thiên tử Đâu-suất từ đường ác ra xong một đời, liền đến trước tam-muội Ly cấu, được cảnh giới mười mắt, mười tai, v.v... rộng như phẩm Tướng đã nói (văn năm giáo).

3. Chứng biến quả sinh, tức vị nhân sau cùng, tiếm ẩn đồng với biến quả, là đời sau của Thiện Tài (văn số), nghĩa là văn kinh như Di-lặc bảo Thiện Tài: Đến đời đương lai, khi ta thành Chánh giác, ông sẽ thường được thấy ta.

Sự việc như thế, v.v... nên biết đây là y cứ vào nhân quả trước, sau, vì chia thành hai vị. Cho nên, ở vị trước chỉ là nhân, vì quả viên ở vị sau, nên nói: Sẽ thấy ta (văn năm giáo).

Xem xét chính văn kinh quyển 16 chép: Ta sống lâu ở trong đó, sau cùng khi ta hạ sinh, thành Chánh giác, ông và Văn-thù đều được thấy ta.

Giải thích có ba nghĩa:

1. Nói rằng: Đời đương lai khi ta thành Phật, cũng sẽ giảng nói về Hoa tạng này. Lúc đó, vì cũng đã có pháp mà Văn-thù, Thiện Tài đã nói, nên nói như vậy.

2. Nói rằng: Lúc ta thành Phật, ông và Văn-thù đều đến giúp ta tuyên dương chánh pháp, hóa độ chúng sinh.

3. Vì biểu pháp: nghĩa là vì sao Thiện Tài trên đối với hội Phật, thì đều mong cầu các thiện tri thức, mà không đến với Phật? Là vì đời này của Thiện Tài là thân tu nhân, vì quả chưa thành, nên không đến chỗ Phật, chẳng phải cho rằng không cầu, mà chỉ vì thành quả cách nhân, nên nói: sẽ thấy Phật.

Ba người này là y cứ vào tướng văn để chia thành ba việc sinh, nếu y chỉ pháp sinh ba người thì đều đồng, nên trong hỏi đáp Hương Tướng dưới đây sẽ nói:

Lại, Khổng Mục chép: Trong kinh Hoa Nghiêm nói thành Phật có năm. Ba người: Đồng tử Phổ Trang Nghiêm, v.v... hiện thân thành Phật, làm sao biết được tướng thành Phật ấy?

Đáp: Vì Đồng tử Phổ Trang Nghiêm trong việc hiện thân gặp Phật, nghe pháp, được tin hiểu, tự chia ra pháp vị thắng tấn, môn tam-muội, v.v... tức biết thành Phật tín mãn, v.v... Lại, thiên tử Đâu-suất v.v... trong

hiện thân đã được phần ít tam-muội Ly cấu, lại vì xem xét các công đức, v.v... nên biết hiện thân thành Phật. Đồng tử Thiện Tài hiện thân đã đến chỗ tri thức Bồ-tát Phổ Hiền, mà tri thức Di-lặc nói: Khi ta thành Phật ở đương lai, ông sẽ thấy ta, nên biết sẽ thành Phật ở đời sau.

Các việc trên đây, chỉ y cứ tướng văn, y cứ vào ba vị thấy, nghe, v.v... là ba việc sinh, nên nói như thế. Y cứ vào chung thật đều đồng, chỉ vì trong một thân thành Phật, nên nói một thân, nghĩa là thân pháp tánh, không có thân phần đoạn v.v... riêng. Nếu thuận theo duyên hiện thành Phật, thì đồng với giáo của Ba thừa. Y cứ vào pháp thật giáo của Nhất thừa, thì niệm niệm thường thành Phật v.v... thêm thuyết ở trước, văn số quyển hai mươi.

Hỏi: Đồng tử Phổ Trang Nghiêm, thiên tử Đâu-suất sinh trước, sau gọi là sinh vào biển quả hay chăng?

Đáp: Như Yếu Ký chép: Hỏi: Ba người trên đủ quyết định Bồ-tát ở vị nào?

Đáp: Số quyển 18.

Thiện Tài này là Bồ-tát ở vị nào?

Đáp: Kinh không có tướng của vị chánh đoạn, khó giảng nói. Hoặc có phán quyết là Bồ-tát thượng địa. Dù cho thiết lại phát tâm tức là hai vị sau trong bốn thứ phát tâm. Lại, là chứng phát tâm trong ba thứ phát tâm trong luận. Hoặc có thuyết nói: Là thật báo, phàm phu chỉ có lòng tin, có thể cầu bạn lành. Nay, lại y cứ giải thích sự thích ứng với người tu hành trong niềm tin cõi lành, vì thiên tử Đâu-suất, đồng tử Phổ Trang Nghiêm là Bồ-tát Thập trụ.

Khổng Mục thứ hai đồng nói là hiện thân thành Phật. Phổ Nghiêm cũng nói cõi lành: Chưa nhập, Sơ phát tâm trở xuống là vị mười Tín. Quyển hạ chép: Trước ba hiền chỉ gọi cõi lành, không gọi là chủng tánh.

Hỏi: Chưa đến tâm mãn của Thập tín, vị Sơ phát tâm đâu được năm vị?

Đáp: Thú hưởng tín vị, vì đã hiểu Nhất thừa, nên nhân vị rất ráo, như số quyển ba chép: Hỏi: Thiện Tài là tín vị nào? Văn dưới của số chép: Nếu vậy thì Thiện Tài nhất định là vị nào? Nghĩa là giai vị nào? Vì ở Tín là tín vị, ở trụ là trụ vị, vì một thân trải qua năm vị, nên thuận theo được nói là vị kia. Về lý, thật như văn số trên, là Bồ-tát của tín vị.

Long nữ thứ tư. Pháp Hoa Số của Từ Ân chép: Kinh Hoa Nghiêm nói: Tám tướng thành đạo của Bồ-tát Thập tín. Nay, hoặc nói: Đây là

lời khuyên bảo mọi người. Trong Kinh Già-da Sơn Đỉnh, thiên tử Tịnh Quang hỏi: Có bao nhiêu cách phát tâm? Văn-thù đáp: Có bốn:

1. Phát tâm chứng: Nghĩa là nhập Sơ địa.
2. Phát tâm hạnh: sáu địa tiếp theo.
3. Phát tâm không lui sụt: Tám, chín địa.
4. Phát tâm một đời bồ xứ: Địa thứ mười.

Nay, Long nữ này, hoặc tức phát tâm thứ tư, hóa thành long nữ. Tuổi trẻ mà có khả năng học kinh Pháp Hoa, mau được Bồ-đề, sinh này là sự sinh của chứng quả, tức văn kinh này nói: Cung rồng được Văn-thù dạy bảo, giải thích Nhất thừa. Trí Tích hỏi Văn-thù: Có chứng sinh nào siêng năng tinh tấn tu hành, kinh này, mau được thành Phật không? Văn-thù đáp: Có long nữ Ta-Kiệt-La, cho đến phát tâm tâm Bồ-đề trong khoảng sát-na, được không lui sụt, cho đến đi qua thế giới phương Nam, thành Đẳng Chánh Giác, nghĩa là chứng biến quả sinh.

Hỏi: làm sao biết nhân sinh này được quả Phật?

Đáp: Chương Thập huyền, nay nói: thành Phật chỉ đầu tiên từ thấy, nghe trở đi, cho đến sinh thứ hai tức thành giải, hạnh. Tâm sau cùng của giải, hạnh nhân vị viên mãn cùng cực: Đối với đời thứ ba, liền được quả viên dung tự tại rốt ráo kia. Vì thể của nhân này dựa vào quả thành, nên chỉ cho vị nhân mãn, nghĩa là thắng tấn, tức mất ở trong biến quả. Vì là cảnh giới chứng, nên chẳng thể nói. Sự việc này như long nữ và đồng tử Phổ Trang Nghiêm, thiên tử Đâu-suất v.v... tức khắc định nghĩa của quả kia trong ba sinh.

Hỏi: Sao người nữ này được gọi là thân để lại hoặc?

Đáp: Vì nhằm đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên để lại phiền não thành long nữ.

Hỏi: Làm sao biết được Bồ-tát địa tiền, nên để lại phiền não?

Đáp: Ngũ giáo quyển hạ chép: Nhưng đầu tiên trong vị ba Hiền địa tiền kia, tức không đọa vào địa Nhị thừa, vì tự tại đối với chướng phiền não, có thể dứt để lại hoặc, vì không đoạn là trừ chướng trí.

\* Thứ ba, môn hiển giáo khác nhau.

Y cứ Khổng Mục thứ ba, biểu thị rõ sự khác nhau của sáu giáo.

Thứ nhất, giáo của thừa trời, người, giáo này có ba thứ thành Phật:

1. Phật vì cứu độ ba đường ác, hiện thân khác ở ngoài ba đường ác kia, tức thành thân Phật, như Phật hiện chân của con voi đen v.v... Tân La Ký chép: Phật hiện thân voi đen thấy rõ địa ngục cho nên Ngài vui mừng cho những người vun trồng thiện căn. Nghĩa là: Một là Phật

muốn cứu độ những chúng sanh đọa trọng ba đường ác và dẫn dắt họ cho đến thành Phật v.v.. Hai là, Phật vì muốn dẫn dắt người và chúng sanh mà thị hiện thân Phật. Ví như, Phật vì trưởng giả ĐỀ VỊ mà hiện thân thân cây. Sách Đăng Ký chép: Khi Phật mới thành đạo, Ngài ngồi dưới cội cây BỒ ĐỀ bên bờ sông, thị hiện thân tướng hảo cao mười sáu thước. Các thương gia thấy thân này của Phật cho là than mà phụng thờ. Lúc đó, Phật hiện thân cứu độ người có thiện căn. Ba là vì dẫn dắt trời người nên hiện thành thân Thánh. Như Phật là bậc Thánh để người đời cúng dường được phước. Thị Ký chép: Phật ngự dưới cội cây BỒ-đề, bảy giờ, Phạm thiên biết cúng dường Phật, mà Phật vẫn yên lặng, suốt bảy ngày, nhận thỉnh Phạm thiên nói pháp, nên đến ngày thứ mười bốn, khi Phật nói pháp, nhiều người trông gốc lành, nên nói rằng: Vì dẫn dắt hàng trời, người, cho đến như người, v.v... biết Phật là là Thánh, v.v...

2. Trong Nhị thừa có bảy nghĩa:

a. Y cứ vào địa, nghĩa là ba cõi, chín địa, mười địa, mười một địa, v.v... Ngoài tức thành Phật. Nói chín địa là Bốn thiền, bốn vô sắc và địa cõi Dục.

Mười địa: là Sơ vị chí, thiền trung gian, bốn thiền và bốn Vô sắc.

Mười một địa: Vì mười địa trên, thêm cõi Dục, nên Trí Luận quyển 20 chép: Ba môn giải thoát trong chín địa, bốn thiền, vị chí địa trung gian thiền, và ba Vô sắc, vì tánh vô lậu.

Có thuyết khác nói: Ba giải thoát chỉ có vô lậu. Ba tam-muội chung cho hai. Vì lý do này, nên tam-muội, giải thoát có hai tên gọi. Nói như thế, nghĩa là ở mười một địa. Sáu địa (bốn căn bản, Sơ vị chí, thiền trung gian. Ba vô sắc, cõi Dục và địa hữu đảnh. Nếu hữu lậu: thì lệ thuộc ở mười một địa. Vô lậu thì không trói buộc (không hệ thuộc).

Trí Luận quyển 23 nói: Là vô thường, vừa hữu lậu, vừa vô lậu ở chín địa. Nếu hữu lậu thì ở mười một địa.

b. Y cứ vào vị, thấy ngoài tu học, tức học thành Phật kia. Ký chép: Phật ngự dưới cây BỒ ĐỀ, sáu hạnh đẳng trí thông, mà địa phi tướng trở xuống, phiền não của ba không dưới đều hàng phục, trước khi khởi kiến đạo vô lậu, là đã chế phục, tu hoặc đều dứt, cũng dứt tu hoặc chín phẩm của địa Phi tướng, chín Vô gián, chín giải thoát, dứt phiền não do đoạn kiến, chứng bốn Đế lý là kiến đạo của tâm thứ mười sáu. Địa Phi tướng, giải thoát thứ tám trở lại, đều là tu đạo, chỉ giải thoát thứ chín là đạo Vô học.

c. Y cứ vào hạnh, lìa học, rồi thì hiện thành Phật trong thân Vô học.

d. Y cứ hạnh Bồ-tát, ngoài ba mươi ba tâm, tức thành Phật kia. Ký chép: Hỏi: Ba mươi ba tâm, tám nhãn, tám trí, chín vô gián, tám giải thoát, lúc trước đã y cứ vào vị để giải thích xong, vì sao lại giải thích? Đáp: Vì trước kia đã y cứ vào nghĩa đi suốt qua tất cả người, nhằm nói về thành Phật.

Vì nghĩa này chỉ nói về phép tắc thành Phật của Bồ-tát Thích-ca, nên lại giải thích riêng. (Dù vị tâm đồng nói về thời gian, nghĩa, vị, tâm, đã khai, hợp khác nhau, vì nói nghĩa này riêng, nên giải thích riêng).

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao như thế?

Hỏi: Bồ-tát chỉ vì tu ba mươi ba tâm, không có tu nghĩa thành Phật khác, nên không chung với ở đây là đối với nghĩa khác, cũng như Thanh văn không nhất định: nghĩa là con người thứ lớp trong một trăm bảy mươi tám niệm, có người thành Phật mà chỉ vì không có phát tâm kiến, tu vô học, nên y cứ vào kiến, tu chung cho tất cả người (nay theo thuyết Khổng Mục đã nói ở đây là kiến, tu y cứ vào Bồ-tát mà nói). Bồ-tát thì không phải như vậy, chỉ có ba mươi ba tâm, nên chỉ không chung đối với nghĩa khác.

Hỏi: Con người theo thứ lớp vì sao lại tu một trăm bảy mươi tám niệm thành Phật?

Đáp: Mỗi địa trong chín địa đều có chín phẩm phiền não vì đầy đủ vô gián, giải thoát, nên được một trăm sáu mươi hai niệm. Trong số này, vì cộng thêm tám nhãn, tám trí, nên có một trăm bảy mươi tám niệm.

Niệm như thế gồm thâm kiến, tu ra sao?

Đáp: Vì kiến đạo gồm thâm tám nhãn, tám trí, nên có một trăm bảy mươi tám niệm sự giải thoát dứt phiền não của phẩm thứ tám mươi mốt trong phiền não của chín nhân chín thành tám mươi mốt phẩm, giải thoát là đạo Vô học, pháp khác đều vì thu nhiếp tu đạo, nên ngoài kiến, tu, tức người thành Phật đều suốt qua tất cả.

đ. Y cứ vào thời gian, Tiểu thừa nói sáu mươi kiếp thành ngoài ba tăng-kỳ thì thành.

Khổng Mục quyển bốn chép: Tiểu thừa lấy sáu mươi kiếp làm A-tăng-kỳ đại kiếp. Tiểu thừa phải trải qua ba tăng-kỳ này mới được thành Phật. Sự ghi nhận của Phật: A-tăng-kỳ trong Tiểu kiếp, vì có y cứ kiếp thứ năm mươi hai trong sáu mươi địa, nên chỉ là một kiếp làm một A-tăng-kỳ. Trừ hai mươi kiếp không trong tám mươi tiểu kiếp, nói là sáu mươi kiếp. Tiểu kiếp thứ năm mươi ba trong sáu mươi kiếp này là A-tăng-kỳ, vì một kiếp trong sáu mươi bốn, kiếp là nửa kiếp, nên gom

tám mươi kiếp làm một kiếp.

Gom sáu mươi bốn kiếp thành một kiếp ấy là đại kiếp, lại đáng học.

Ngũ giáo quyển hạ chép: Người căn phẩm thượng, nghĩa là Đức Phật quyết định đầy đủ ba tăng-kỳ kiếp.

Số kiếp trong đây, lấy một kiếp nước, lửa, v.v... làm một số. Một của mười cái làm số thứ hai. Như vậy lần lượt đến thứ sáu mươi làm một A-tăng-kỳ. Y cứ vào một A-tăng-kỳ này để đếm ba tăng-kỳ.

Nghĩa kiếp rõ ràng: Thứ tám, nói trong hai mươi kiếp gió trong tạng Thanh văn, tùy mỗi kiếp là số thứ nhất. Từ số một này đếm đến mười là số thứ hai, tức dùng số thứ hai để đếm đến mười là số thứ ba, tức tương đương với một trăm kiếp, tức dùng ba số làm một. Từ số một này đếm đến mười là số thứ tư, tức hợp với ngàn kiếp, tức dùng số thứ tư, từ số một đếm mười là số thứ năm, tức tương đương với muôn kiếp, tức dùng số thứ năm làm một số, từ số một này đếm đến mười là số thứ sáu, tức đối xứng với ức kiếp.

Dùng số thứ sáu làm số một, từ số một đếm đến mười là số thứ sáu, tức tương đương với mười ức kiếp. Dùng số thứ sáu làm số một, từ số một đếm đến mười là số thứ bảy, tức tương đương với mười ức kiếp. Dùng số thứ bảy làm một số. Từ số một đến mười là số thứ tám, tức tương đương với một trăm ức ở đây. Tiếng Phạm gọi là câu-chi, lần lượt như thế, đếm đến số lớn thứ sáu mươi, cách một kiếp đại tăng-kỳ, vì số của ba đoạn này, nên nói là kiếp đại tăng-kỳ, nên luận Câu-xá chép: Tám mươi trung, đại kiếp, ba vô số.

Hỏi: Câu-xá quyển tám chép: Vì ba đại A-tăng-kỳ nào nên nói vô số, v.v...?

Đáp: Nếu lấy pháp số để tính thì sẽ không thể biết được số ấy, nên nói là vô số. Y cứ vào thuyết của hai sư sau này nói: sáu mươi kiếp thành của Khổng Mục, nghĩa là sáu mươi kiếp thành một tăng-kỳ, hai kiếp sau cũng như vậy.

Văn ghi chép trên, chưa thấy lý do, hãy tham thể khảo luận Ba-sa, Câu-xá, v.v...

Hỏi: Hễ thành Phật tu hành có bao nhiêu thời gian?

Đáp: luận Câu-xá quyển hạ nói: Lại y cứ vào Bồ-tát Bà-sa v.v... thì thành Phật có hai thân:

1. Pháp thân.
2. Sinh thân.

Pháp thân: Năm phần như: giới, v.v... Tu pháp thân này có đủ bốn

thời gian:

1. Thời gian ba tăng-kỳ kiếp, tu bốn Ba-la-mật hữu lậu.
2. Thời gian trong một trăm kiếp, tu nghiệp tướng tốt đẹp.
3. Thời gian xuất gia, khổ hạnh tu thiền định.
4. Thời gian thành Chánh giác dưới cây Bồ đề.

Sinh thân: Chỉ một trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt, ở thân sau cùng, tại nhà vua Tịnh Phạm, thành Già-da, thọ sinh báo thân, bước lên đạo giác tại nước Ma-kiệt-đà.

Ký chép: Hỏi: Trong ba tăng-kỳ kiếp, thời gian tu bốn Ba-la-mật hữu lậu, thân nào tu?

Đáp: Chưa phát kiến đạo vô lậu trở xuống, đều có đủ việc của thân phàm phu. Trong ba tăng-kỳ kiếp của thời quá khứ, tu bốn Ba-la-mật hữu lậu. Kế là, trong một trăm kiếp, tu nghiệp tướng tốt của báo riêng. Tiếp theo là sinh lên cõi trời Đâu-suất, một ngàn kiếp học oai nghi của Phật. Sau đó, sinh trong cung vua, phu nhân Ma-da là mẹ. Tiếp theo thành Thái tử, nhận ngoại đạo A-lam-già-lam làm thầy, tu tập chánh định. Kế là, ngồi dưới cây Bồ đề, vào giờ dần, dùng đạo đẳng trí sáu hạnh mà ở vô sở hữu xứ để lại tu hoặc đều điều phục, trước khi khởi kiến đạo không có dòng chảy, là đã chế phục phiền não đều dứt, không được ba quả đầu tiên, có vượt qua được quả Na-hàm thứ ba chăng? Đồng thời dứt trừ chín phẩm tu hoặc của địa Phi tướng, chứng được quả A-la-hán, vào giờ dần, liền được thành đạo.

Đồng với đạo đẳng trí của sáu hạnh, vì sao không khuất phục hoặc do kiến đoạn?

Đáp: Vì ưa trên, chán dưới, vì duyên đạo của việc thế tục, không chế phục được phiền não do kiến đoạn, làm sáng tỏ phương tiện của đạo giác, chế phục được phiền não do kiến đoạn. Lại, ưa vượt hơn, nhàm chán yếu kém.

Đạo: Sinh tử là yếu kém, cũng vượt hơn đạo. Sự có lý ở đây, khi duyên theo lý này, là chế phục phiền não chướng đạo, đồng với kiến đạo vô lậu, dựa vào vị nào mà khởi?

Đáp: Nếu khởi chân kiến đạo, thì Tiểu thừa, Đại thừa đều nương định biên tế thứ tư mà khởi. Nếu khởi tướng kiến đạo thì luận Địa Trì nói: Ba y chỉ năm sinh. Nói ba, nghĩa là trí hiện quán đế (trí chánh đế), biến trí hiện quán đế (trí hậu đế) rất ráo hiện quán.

Nói nương vào năm sinh: Bốn thiền căn bản, định vị chí, nên tướng kiến đạo y cứ năm định mà khởi. Tiểu thừa như thế: Thêm Thiên trung gian y cứ vào sáu định, khởi tướng kiến đạo. Đó là nói chung, nếu nói

riêng, thì người tuệ giải thoát vì không dứt định chương vô tri, nên người này mới nương vào định căn bản, khởi lên kiến đạo.

Hỏi: Kinh Bốn Nghiệp chép: Một trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt với Tiểu thừa có gì khác nhau?

Đáp: Ý kinh này nói: Vì hiểu rõ Tiểu thừa, nên trong ba tăng-kỳ của ông, vì tu bốn Ba-la-mật hữu lậu, nên ta nói: Địa tiền là một tăng-kỳ, Sơ địa đến Thất địa là hai tăng-kỳ, Bát địa đến Thập địa là ba tăng-kỳ. Sau mãn ba-tăng-kỳ này, khi kim cương dụ định hiện tiền, mới được tu nghiệp tướng tốt trong trăm kiếp, ngàn kiếp, kiếp nhiều như số cát sông Hằng.

e. Y cứ sự sinh tử trên thân phần đoạn sau cuối, tức thành Phật, kinh này quyển hạ chép: Nếu y cứ Tiểu thừa, thì chỉ có thân phần đoạn, đến vị rốt ráo, Đức Phật cũng đồng như vậy, là thật chẳng phải hóa.

f. Y cứ vào mười hai trụ của Tiểu thừa, trụ A-la-hán trên hết thứ mười hai, thì đồng với Phật. Quyển hạ chép: trong các giáo đều dùng ba nghĩa, lược chỉ bày:

1. Nói về tướng vị.
2. Nói về không lui sụt.
3. Nói về hành tướng.

Đầu tiên, y cứ vào Tiểu thừa có bốn vị, nghĩa là kiến, tu phương tiện và rốt ráo. Lại, nói mười hai Trụ của Tiểu thừa, cho là rốt ráo, không lui sụt: Trong đây, tu hành đến Vị nhĩn, vì đã được không lui sụt, nên hành tướng của Vị Nhĩn đó cũng như thuyết của các luận kia.

Hỏi đáp của Chung Nam nói rằng: Nếu y cứ vào giáo Tiểu thừa, thì thấy sắc thân ba mươi hai tướng của Phật, tức là thật sự thấy nhãn căn tương ưng đồng thời với cảnh, nhìn thấy sắc tướng thật, gọi là thấy Phật. Phật Tiểu thừa có hai:

1. Sinh thân.
2. Hóa thân.

Đức Phật đều tu hành từ bi, hạnh ái mà thành. Trong một thời gian, chỉ có hạnh ái, từ bi của một vị Bồ-tát, y cứ vào ba mươi ba tâm, theo thứ lớp thành Phật, hạnh kiến khác đều không thành Phật, chỉ được hai thứ Niết-bàn trụ vô dư. Chỉ một người thành Phật. Nếu người khác thành Phật trước, sau khác nhau. Nếu giáo hóa hữu tình, thời gian sau thành Phật. Vì không có Phật ở mười phương, nên đại kiếp thành, hoại của thế giới, mãn ba tăng-kỳ chắc chắn được thành Phật. Không có một niệm thành Phật, nghĩa là không có Phật ở phương khác, nếu có tức là Phật của phương này biến hóa đến phương kia. Ma-da mẹ Phật ở châu

Thiền-bộ này là thật sự mẹ Phật. Trong thế giới khác không có thật, vì Phật là hóa, nên các căn của chư Phật, Bồ-tát, v.v... tương tác, chỉ do biến hóa thành không cần sửa đổi tánh. Một người dựa vào một người, dựa vào một cõi, dựa vào nhất tâm, thứ lớp thành Phật. Nhân quả tương xứng với hiện lượng có thể biết, chỉ dứt hoặc, nhân quả cùng tận, không phải đều khác nhau. Nghiệp báo chung của các phần Bồ-đề. Từ lúc sơ phát tâm, thứ lớp tu, nói sắp muốn thành Phật. Tâm sau cùng của Thập địa, trăm kiếp tu riêng tương tốt, là thật chẳng phải hóa, chỉ tu nghiệp của phần Bồ-đề, trừ người có lui sụt, đều thành Phật, không ai không thành Phật, vì tướng con người là Phật. Trí Nhất thiết tức thuộc về pháp. Ngũ giáo quyển hạ chép: Nếu y cứ vào chủng tánh Tiểu thừa, thì có sáu, gọi là lui sụt, tư duy, thủ hộ, trụ, thắng tấn, bất động. Trong tánh bất động có ba phẩm: thượng, trung, hạ, như thứ lớp người ba thừa. Dù ở trong nói một hạng là Phật có chủng tánh. Nhưng chẳng phải là tánh đại Bồ-đề kia, vì đối với công đức của Phật, không nói là cùng tận đời vị lai, vì khởi dụng lớn. Cho nên, phải biết ở trong giáo này, trừ một người là Phật, giáo khác tất cả chúng sinh đều không nói có tánh đại Bồ-đề.

Thứ ba, y cứ vào môn giáo hồi tâm ban đầu có tám nghĩa kia:

1. Y cứ ở vị địa, nghĩa là địa Càn tuệ ngang bằng Thập địa, trong địa thứ mười tức thành Phật, sở dĩ đồng với mười địa thành Phật là vì dưới Phật đồng với vị nhân, nên đặt ra thuyết này.

Ký chép: Luận Pháp Cảnh: Dẫn tâm tiểu khai phát hạnh đại, khiến sở hưởng về quên, phân phát bảo thủ giải.

**Giải thích:** Ý lập Càn Tuệ ngang bằng với Thập địa, khiến bỏ bảo thủ của Tiểu thừa, nhập vào trong Đại thừa.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao là địa Càn Tuệ ngang bằng?

Đáp: 1. Vì chưa thành giải của giác không, nên không khiến lợi là địa Càn Tuệ, nghĩa là tân dịch của lý không như nước, nên giác không mới được tâm trí thêm lớn.

2. Địa tánh: Vì do giải không, nên dùng giải này để chế phục kiết. Vì giải bền chắc không thay đổi, nên nói rằng địa tánh.

3. Địa vị Bất không: Vì giải chân, tương tự bốn đế, nên mỗi đế trong bốn đế là hai người, nên gọi tám nhãn là địa vị Bất Nhân. Vì hai nhãn trong mỗi đế, nên khổ nhãn trong khổ đế cõi Dục. Khổ loại nhãn trong khổ đế của hai cõi trên. Trong ba đế còn lại, so sánh rất dễ hiểu. Tám nhãn: Ít có không gián đoạn. Tám thứ do tám nhận này dẫn ra là giải thoát.

4. Địa kiến: Vì tám nhãn này, nên được Bát địa, vì đầy đủ tâm thứ

mười sáu, nên kiến lý bình đẳng của bốn đế, nên nói là địa kiến.

5. Địa bạc (mỏng): Từ địa kiến khởi tu trí đạo, đoạn sáu phẩm ban đầu trong chín phẩm tu hoặc cõi Dục, vì dứt ba phẩm sau, nên nói là Địa bạc.

6. Địa lìa dục: Vì tu hoặc của ba phẩm sau đều hết, nên không trở lại cõi Dục. Vì vậy, nói là địa ly dục.

7. Dĩ biện địa: Vì kiết của ba cõi rốt ráo hết, nên được quả A-la-hán. Cho nên, nói là Dĩ Biện Địa. Ba địa sau rất dễ hiểu.

Từ trên đến đây bao gồm ý của luận pháp cảnh.

Hỏi: Càn Tuệ ngang bằng với Thập địa, hạnh chung của Ba thừa, Thập địa vì sao trong chương này nói là Thập địa Càn Tuệ trong giáo hội tâm đầu tiên?

Đáp: Trong năm mươi câu hỏi đáp, đầu tiên lập nhân quả của sáu đường. Tiếp theo, nói về Nhị thừa ngu pháp. Kế nói về Tiểu thừa và Phật Tiểu thừa hồi tâm. Kế nữa, nói về Phật tâm mãn của năm vị Nhất thừa. Nhưng lập Thập địa Càn Tuệ v.v..., sau cùng lập tiến thẳng đáp thứ lớp mười bảy môn của Bồ-tát.

Tuệ Cảnh Đức nói: Tiến trên, dựng lập gốc của mười địa, hạnh chung của ba thừa, chính là pháp tiêu biểu đối tượng truyền thuật của sư. Sư kia đã y cứ ở vị để ba lần giải thích trái lại, có nghĩa là:

1. Giải thích mười địa Biệt giáo của Ba thừa.
2. Hội mười địa của Biệt giáo nhập vào vị Thông giáo.
3. Hội Thập địa Thông giáo nhập vào vị tông thông.

Nếu y cứ vào vị ban đầu, thì sẽ nói địa Càn Tuệ trong vị lân không, tánh sau cùng của phạm phu, ngoại đạo. (ở đây có thể thực hành năm pháp quán dừng tâm).

Địa tánh: Niệm xứ tướng chung, niệm xứ tướng riêng và bốn gốc lành, hợp với vị năm phương tiện này là Địa tánh. Hai niệm xứ riêng, chung trong năm phương tiện này, đồng với quán tánh không trong bốn gốc lành, vì giải thích quán pháp không. nên kết hợp hai niệm, xứ riêng chung thành một.

Bát địa Nhân: Lập ra vị Tư-đà-hàm. Lìa dục: Lập ra vị A-na-hàm.

Đã giải thích về địa: Lập ra vị A-la-hán. Bảy địa này thuộc về địa Phật Bích-Chi trong thừa Thanh văn, rất dễ hiểu.

Vị Bồ-tát: Trong Biệt giáo này, chưa nói đến vị ba mươi tâm, chỉ y cứ vào mười trụ, chỉ ở bốn Bồ-tát, nghĩa là sơ trụ, gọi là trụ Tận phát ý.

Trụ thứ hai đến trụ thứ sáu gọi là Địa hành đạo lậu.

Trụ thứ bảy đến trụ thứ chín, gọi là địa A-tỳ-bạt-trí.

Trụ thứ mười gọi là vị Nhất sinh bổ xứ. Lại, Đẳng giác, tâm Kim Cương, không nói, vì trụ thứ mười là sau cùng. Trụ này tức là thành Phật thật của sắc tướng một tượng sáu. Lược thứ hai, vì Phật của Biệt giáo tức là Phật của sự che lấp dấu vết, nên lui về ở mười Tín của Thông giáo, khiến nhập mười tín. Năm quả của Nhị thừa: an lập trước mười Tín, khiến nhập vào vị mười tín.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao năm quả của Nhị thừa không an lập ở mười trụ, lại ở tâm ban đầu của mười Tín.

Kinh Nhân Vương chép: Trong tâm đầu tiên của tập chủng, đã vượt qua Nhị thừa, nên biết không an lập Thập trụ. Trong năm phương tiện đã nói địa tánh, địa Càn Tuệ đều lui về an lập trong phạm vị Tín tiền.

Hội nhập như thế, mười địa của Biệt giáo vì muốn cho nhập Thông giáo, nên lập mười địa, hạnh chung của Ba thừa. Đã là Thông giáo, mới được biết sự xa dài của đạo Phật. Lại, mười địa, ba hiền, theo con đường thẳng tắt mà tu, mới được thành Phật.

Cho nên, mười tín của Thông giáo, thì có Ngũ Phần Đệ Tử, đó là bốn quả Thanh văn, quả Bích-chi-phật là năm.

Hỏi: Nếu như vậy thì bốn giai vị Bồ-tát y cứ ra sao?

Đáp: Tập chủng là Bồ-tát mới phát tâm, chủng tánh, chủng đạo là đạo hạnh đã lâu.

Sơ địa trở lên đều là đẳng giác A-tỳ-bạt-trí, là Nhất Sinh bổ xứ. Diệu giác là Bồ-tát.

Hỏi: Dùng Thông giáo hội nhập Biệt giáo. Hội nhập Biệt giáo mà tạm mượn vị Biệt giáo để so sánh trong Thông giáo. Ngay thẳng như thế, tự thuyết Thông giáo nói Thập địa, hạnh chung của Ba thừa ra sao?

Đáp: Hội năm quả của Nhị thừa nhập vào trong vị mười Tín của Thông giáo, gọi là địa Càn Tuệ. Vị ba Hiền là Địa tánh. Phương tiện gần Sơ địa, tám, gọi là Bát địa nhẫn. Sơ địa, gọi là Địa kiến, nhị địa là Tư-đà-hàm, gọi là bạc địa, hai địa ba, bốn gọi là địa Ly dục. Vì năm địa tương ứng với quán đế, nên gọi là A-la-hán là địa Dĩ Biện. Vì Lục địa thực hành quán nhân duyên, nên gọi là địa Bích-chi-phật, đến Đẳng giác gọi là địa Bồ-tát. Diệu giác gọi là Phật địa.

Lược thứ ba, dứt hết nhiệm chương Thông giáo, đã được quả Phật, lui trở lại, an lập ở trong mười Tín của Tông thông.

Mười địa Thông giáo thối lui an lập đối với Ngũ phẩm đệ tử vị Thập trụ của Tông thông, nghĩa là vì Tu-đà-hoàn có quả Hưởng, nên như thứ lớp, y cứ vào sơ trụ, nhị trụ, cho đến Ngũ phẩm đệ tử, gọi là Bích-chi-phật. Vì ở đây cũng có quả hưởng, nên y cứ vào trụ thứ mười hai, thứ chín.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao quả Phật kia được lập trong tâm mãn Thập tín của Tông thông. Mười địa của Thông giáo là đệ tử của năm phẩm mười trụ?

Đáp: Y cứ vào Ngũ phẩm thì đệ tử và Phật không khác nối nhau, chỉ y cứ Thông giáo thì đến quả vị Phật giáo kia, mà vì lui sụt an lập tâm mãn Tín, nên khi lui sụt Phật thật xong thì đã lùi lại tánh mãn tín kia, là đệ tử của năm phẩm lập đồng. Cho hết nên, người này đã thật sự thối lui vị Phật của mãn tín, chuyển sang gọi khi hoàn toàn tu mười Tín, hạnh làm Thanh văn. Lại, là Bồ-tát Thập trụ, tính tế có thể suy nghĩ.

Hỏi: Nếu vậy, thì vì sao lui sụt vị Phật Thông giáo, lại được lập trong Mãn Tín, chỉ phổ biến giáo Tông thông, dạy tu hạnh Thập trụ, lại không bảo tu Thập tín của Tông thông?

Đáp: Vì thuyết bất thật của thừa giáo kia, nên khi Tông thông mới được là thật, thì có ở quả Phật kia, tức Tông thông của tín. Thế nên, quả của Phật thừa kia, và tín của Tông thông. Trong Sơ địa của loại nhất như, lúc khởi tín của Nhất thừa, tức Sơ địa kia thành tựu tín của Nhất thừa.

Hỏi: Vì sao Phật Ba thừa của Biệt giáo lại tu tín của Thông giáo?

Đáp: Ba mươi bốn niệm của Thông giáo kia có thành Phật, đều nói việc này, vì có tín Phật thật, nên Phật thật của người kia, lại khiến tu tín của Thông giáo, mà đừng vì tin việc này, nên không đến người quả Phật của Biệt giáo, lại bảo tu tín Đại thừa.

Hỏi: Tông Thông vượt hơn so với tông của Biệt giáo kia, sao lại tu hạnh này?

Đáp: Năm tín đầu trong mười tín là năm căn: tín, v.v... lập thêm năm tâm trong nghĩa năm căn này. Y cứ thật thể của pháp đầy đủ trong năm tín kia. Hạnh thông giáo: Đủ năm căn: tín, v.v... của thế gian, một lúc đầy đủ. Nếu chưa đủ năm căn trước. Hành giả tiến lên thẳng tất mười ngàn kiếp, mới được tu hạnh mười tín, thành tựu lòng tin này.

Hỏi: Nếu vậy thì vì Ba thừa Biệt giáo đủ năm căn xuất thế của Tiểu thừa, nên khi khắp Thông giáo, thì lòng tin có thành tựu hay chăng?

Đáp: Căn Tiểu thừa chẳng khác với căn Đại thừa.

Hỏi: Nếu vậy thì khi năm đệ tử này đã tu hạnh Thập trụ, dùng

nghĩa nào để cho tên Thanh văn?

Đáp: Người này vì tu hành khắp giáo của Tông thông, nên nghe tiếng khởi hạnh Thanh văn. Y cứ vào nghĩa này là đệ tử của Thanh văn.

Nếu chỉ y cứ vào nghĩa hiểu đạo lý của một chân tâm, thì chính là Bồ-tát của Thập tín.

Đã dứt nhiệm chương, thành Phật, vì sao thối lui việc an lập trung sơ Tín, Thập tín của Tông thông?

Đáp: Quả Phật mà ông đã lập, vị Thập tín của ta đây, tám tướng thành đạo đã buông lung biến hóa, vì là Phật thật, nên lùi lại bảo phải tu.

Hỏi: Nếu vậy, thì trong thứ lớp hội tông thông tạo ra hình tướng của hạnh chung Ba thừa như thế nào?

Đáp: Người tu-đà-hoàn tạo ra năm phương tiện, tức là ba vị của Thập tín, kinh Đại Tập chép: Mười tín là ba phẩm, gọi phẩm hạ là càn tuệ, phẩm trung là Tùy thuận địa tín, phẩm thượng là Địa pháp hạnh, phẩm thượng trung là Địa tánh.

Tiếp theo, hai trụ là bạc địa, nghĩa là hai trụ thứ ba, thứ tư, cho đến trụ thứ mười là địa Bích-chi-phật. Nếu y cứ vào vị thì chủng tánh là ý mới phát, chủng đạo là hạnh đã lâu. Sơ địa trở lên là A-tỳ-bạt-trí. Đẳng giác là Nhất Sinh bồ xứ, Diệu giác là Phật địa. Nếu y cứ vào Tông thông của mình, thì Thập tín là ngoại phạm, nên địa Càn Tuệ, vị tập chủng chung cho hai, nghĩa là nếu người từ Đốn giáo mà nhập, thì sẽ lập năm phẩm đệ tử. Đạo lý của vị Bồ-tát ẩn, dùng mười Trụ làm địa Càn Tuệ. Hai vị chủng tánh, chủng đạo nhập Sơ địa, vì phương tiện gần, là Bát địa nhẫn. Sơ, Nhị, Tam địa là Tín nhẫn, nên gọi Tư-đà-hàm là bạc địa. Thất, Bát, Cửu địa là Vô sinh nhẫn, nên gọi A-na-hàm là ly dục địa. Địa thứ mười là nhẫn Tịch diệt. Vì phẩm hạ, nên gọi A-la-hán là địa đã thành, Đẳng giác là địa Bích-chi-phật, các vị trước gọi chung là địa Bồ-tát, gọi Diệu giác là Phật địa.

Từ trên đến đây, bao gồm ý của Luận sư Pháp Cảnh, ý của Nghiêm Hòa-thượng. Nghĩa của sư kia có ba lớp giáo, nghĩa là Thập địa, hạnh chung của ba thừa: Đệ tử không có Viên giáo. Vì sao? Vì Nhị thừa gọi không có nhập Nhất thừa. Lại, trong Tiểu thừa chỉ một Bồ-tát Thích-ca thành Phật, vì tự khác, không có người thành Phật. Không lập hạnh chung, vì mười địa, nên hãy lập mười địa của hạnh chung, ý dẫn tất cả người Tiểu thừa vì nhập Đại thừa. Cho nên, ý hỏi đáp đều không lập loại mười địa của hạnh chung, nên trước nói Tiểu thừa và Nhất thừa, đi suốt

qua nghĩa hồi tâm của ba giáo: Thỉ, chung, Đốn để lập sơ. Nghĩa tiến thẳng ba giáo: Thỉ, Chung, Đốn hợp lại lập thứ lớp.

Nay, ý chương này y cứ vào thật, dù chung cho Chung giáo, nhưng y cứ Sơ hồi tâm, phát thuyết mười địa như càn tuệ, v.v... Đốn giáo có mười địa, hạnh chung của ba thừa, mà vì không nói thứ lớp của vị riêng, nên không dùng mười địa chung cho Ba thừa.

Hỏi: Nếu vậy, thì vì sao văn sơ Đốn giáo lại tạo ra lý do của mười địa Càn Tuệ v.v... mà nói rằng, mười địa này là đối tượng dụng của Nhất thừa, là đối tượng nhập của Ba thừa? Tức là Nhất thừa cũng lập mười địa của hạnh chung chăng?

Đáp: Nhất thừa Đồng giáo vì y cứ ở trí, nên công dụng của Nhất thừa đồng giáo, vì y cứ vào cơ duyên trực tiếp, vì người Tiểu thừa không có Nhất thừa, nên không lập mười địa của hạnh chung. Cái dụng của Nhất thừa đồng giáo, dẫn trong giáo phẩm hạ, lập căn cơ mười địa của hạnh chung trong giáo phẩm hạ, vì đều là đối tượng sai khiến của Nhất thừa, nên y cứ nghĩa này có mười địa của hạnh chung, có thể suy nghĩ. Lại sư Pháp Tiêu y chỉ Tam tạng Phật-đà làm thầy. Đại thừa của Tông thông đã lập ba tạng này, nói về đạo lý chân tâm Như Lai tạng là cùng cực, nên trong đây đều gồm thâu Lăng-già, Nhân Vương, Hoa Nghiêm. Dùng sáu thức của Ba thừa Biệt giáo làm phép tắc, tu thành Phật, hội nhập Thông giáo. Thông giáo lấy vọng thức làm phép tắc, tu thành Phật, y chỉ Tông thông. Chân tâm Như Lai tạng y cứ vào địa vị, lại khiến tu giác.

Ý của Sư Nghiễm: Đại thừa Tông thông của ba tạng, Nhất thừa Hoa Nghiêm ngoài ba thừa này. Dưới đây, Thỉ giáo thu nhiếp Đại thừa thông giáo. Hành giả y chỉ Thông giáo này tu thành, vì không tin Nhất thừa kia, nên gọi là Phật thân tự thọ dụng, vì giả gọi Bồ-tát.

Trong ý nghĩa Sư này, vì không có tranh luận, nên Phật thân tự thọ dụng, gọi là Bồ-tát giả danh.

Trong nghĩa của Sư Tạng: Tra xét cùng cực người căn cơ chậm lụt, vì không vượt qua Sơ địa, nên nói Phật thân tự thọ dụng là giả gọi Bồ-tát. Lại, Bồ-tát trước Sơ địa gọi là Bồ-tát giả danh, có sự tranh luận này.

Hỏi: Tam tạng Phật-đà y cứ thuyết của kinh Lăng-già nói: Nói Đại thừa thông, Đại thừa Tông thông, nên lập giáo của Tông thông, v.v... Vì sao sư Nghiễm nói kinh Lăng-già không thuộc về Tông thông?

Đáp: 1. Văn dựa vào kinh Lăng-già mà nghĩa thú thì lấy Hoa Nghiêm làm Tông thông. Sư này đi suốt qua nghĩa ba tạng như thế, vì là

vị nhân phẩm hạ của Phật. Vì khi muốn dẫn dắt Nhị thừa, Phật ở ngoài Thập địa, Nhị thừa kia vì không cầu Phật, nên lập Phật địa trong vị nhân phẩm hạ. Quyển hạ chép: Lại, cũng vì nói mười địa Càn Tuệ v.v... Thứ chín gọi là địa Bồ-tát. Thứ mười, gọi là Phật địa: Muốn dẫn dắt Nhị thừa hưởng lên không đủ, dần dần tu hành đến quả Phật. Lại, quả Phật kia không ở ngoài mười địa, cũng đều ở trong địa, vì dẫn dắt Nhị thừa kia, nên phương tiện đồng với họ, do người Nhị thừa ngay trong hiện đời được quả Thánh nên không ở sau. Mười địa của ý là mười địa Càn Tuệ.

2. Y cứ ở ngoài ba cõi, chín địa, mười địa, mười một địa v.v... tức là thành Phật.

3. Y cứ ngoài vị kiến, tu, tức thành Phật. Quyển hạ chép: Chỉ có bốn vị kiến, tu v.v... và chín địa v.v... gọi là đồng với Tiểu thừa. Hoặc nói: Năm vị, nghĩa là bảy phương tiện trước Kiến đạo, ba thứ trước của phần trong là vị Tư Lương, vì dùng phương tiện xa, nên bốn gốc lành sau là thêm vị hạnh, vì phương tiện gần, nên gốc lành khác, gọi là đồng với trước.

4. Y cứ ngoài học hạnh, vị La-hán vô học, tức là thành Phật.

5. Y cứ thời gian, y cứ ngoài ba tăng-kỳ của Đại thừa, tức thành Phật của Đại thừa kia, số kiếp như quyển hạ. Lại, Khổng Mục quyển tư chép: Nghĩa Đại thừa từ “cầu-lê” trở đi, thành một trăm câu, gọi là một Thọ. Một Thọ trở đi, gọi là một A-tăng-kỳ. Đây là số thứ nhất trong mười số của số lớn. Ba thừa, Đại thừa, Phật chỉ một phương oai nghi của Phật hóa, trải qua ba đại kiếp này tu đạo được thành Phật.

6. Y cứ ba mươi Vô nhiễm của hạnh Bồ-tát, ngoài ba tâm nhiễm thì thành Phật.

7. Y cứ một niệm lý không chẳng có phân biệt, tức là thành Phật.

Ký chép: Trong giáo hội tâm, tồn tại pháp y tha, giống như có tướng mà tánh là không. Y cứ vào lý không, tướng giả của không tánh này, chẳng phải lý chân như.

8. Y cứ sinh tử trên thân phần đoạn sau cùng, tức là thành Phật. Đây là y cứ ở hoa thân, nếu y cứ vào báo thân, sau thân phần đoạn tức là thành Phật.

Ký chép: Y cứ vào báo thân: sau diệt thân phần đoạn, là thành Phật. Quyển hạ chép: Nếu trong Thủ giáo, là Thanh văn hội tâm, thì cũng nói là phần đoạn, cho đến rốt ráo, thân Phật cũng thế, nhưng là hóa chẳng phải thật.

Y cứ giáo đầu tiên, vị đã tiến thẳng có bảy môn:

1. Y cứ vị, đầu tiên từ vị mười bốn v.v..., cho đến từ hoan hỷ địa v.v...

đầy đủ ngoài mười địa, tức là thành Phật, đây là vì thân phần đoạn, của cảnh Phật.

Ký chép: Ý của kinh Bốn Nghiệp nói là vì đã cảm nghiệp tương tốt đã tu một trăm kiếp, nên biên do nghiệp cảm, gọi là phần đoạn, không như nghiệp hữu lậu của vị nhân làm nhân. Bốn thủ làm duyên đã được thân phần đoạn.

2. Lại, y cứ vào vị, từ cuối địa Hoan Hỷ, địa thứ chín đối với địa thứ mười, tức lui sụt thành Phật. Đây cũng là đối với vị phẩm hạ của Thanh văn, vì đối với thân phẩm hạ thành Phật, nên đặt ra thuyết này.

3. Y cứ lý, chân như vô phân biệt không, một niệm tức thành Phật.

4. Y cứ sau mười địa, một niệm chứng quả tức thành Phật. Huyền môn chép: Nếu Đại thừa nói về nghĩa niệm Phật thành Phật, gồm có hai thứ:

a. Hội duyên để nhập thật tánh, vì không có nhiều ít, nên nói một niệm thành Phật. Như kinh Đại Phẩm chép: Là nghĩa của phẩm một niệm.

b. Hạnh hạnh đã mãn, nhận lấy niệm sau cuối, gọi là thành Phật, như niệm đi xa, dùng bước sau làm mức đến. Đây cũng chia dùng duyên khởi mà nói ba tăng kỳ kiếp, trước địa vị tu đạo là một kiếp tăng-kỳ. Sơ địa đến Thất địa là hai tăng-kỳ, Bát địa đến Thập địa là ba tăng-kỳ, tuy nhiên cũng không quyết định là có một niệm thành Phật, cho nên biết rõ con người không nhất định.

Chung Nam Vấn đáp chép: Do khi giác biết vị lý đầy đủ, vì chỉ một niệm.

Lúc hội duyên từ thật, pháp tánh chẳng có nhiều, chẳng phải dài, ngắn, vì một thành thì tất cả thành, tất cả thành thì một thành. Đây là trái với thứ lớp hai nghĩa trước kia, đối xứng với nghĩa trên của Khổng mục, nghĩa sau đối xứng với nghĩa này của Khổng mục.

5. Y cứ vào thời gian, sau ba tăng kỳ của Đại thừa, tức thành Phật của Đại thừa.

6. Y cứ vào hạnh, cuối cùng Vô học tức thành Phật của Vô học.

7. Y cứ vào mười hai trụ của Đại thừa, sau Bồ-tát trụ trên hết của thứ mười hai, tức thành Phật của Đại thừa.

Chung Nam vấn đáp chép: Nếu y chỉ Thủ giáo của Ba thừa, thì tức một nửa thành Phật, một nửa không thành Phật. Nếu tiến thẳng tới và hai người hồi tâm tu hành mãn mười ngàn kiếp trụ địa Kham nhậm ấy, thì đều thành Phật. Nếu chưa đến vị này, thì sẽ đồng với vị Nhất-xiển-

để-ca, như hạng người này v.v... đều không thành Phật. Đây là y cứ vào vị ngữ. Như mẹ Phật, tất cả Phật ở cõi Tam Thiên, v.v... đều là hóa Phật, thì bà con của Ma-da cũng tức chẳng phải thật. Các cõi Tam thiên, cũng có hoá nghĩa của Phật khác, đồng với tịnh độ ở trước, có các quyền thuộc của Phật mẫu, v.v... cũng chỉ là hóa Phật, pháp môn này chẳng phải tám tướng hóa, vì nếu người hằng trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt thì là hóa, chẳng phải thật (trở lên, chỉ y cứ Thỉ giáo). Nếu tất cả chúng sinh, thành Phật trước, sau, thì sẽ có Phật mười phương, nên được đồng thời thành Phật ở nơi khác. Nếu hữu tình hóa, lẽ tất nhiên cũng sẽ được chủ thể hóa, đối tượng hóa đồng thời thành Phật, vì là tiến, lùi không nhất định. Nếu chư Phật ứng, hóa của phương khác ấy thì các tịnh độ đã có chư Phật, đều là Thật báo, không có biến hóa. Nếu quyền khởi không nhất định Thỉ, chung, khiến căn cơ hữu tình biết biến hóa ấy thì sẽ thuộc về hóa. Nếu ở chỗ Sắc Cứu Cánh và dưới cây Bồ-đề, thì hai vị Phật đối nhau sẽ có hai nghĩa:

1. Dùng hóa để biểu thị rõ báo, tức dưới cây Bồ-đề, hiện rõ Phật trong biển thế giới Liên Hoa Tạng, vì là báo.

2. Dùng báo để chỉ rõ hóa, nêu xứ Sắc Cứu Cánh, thành thân cao lớn, chứng tỏ dưới cây Bồ-đề là nghĩa hóa.

Trở lên, vẫn là chung cho giáo Thỉ chung. Nay, văn này đầu tiên chung cho hai nghĩa của hai giáo.

Trở xuống, là dùng báo Nhất thừa, báo thân Thỉ giáo đối với hóa mà nói, nên sơ quyền ba chép: nếu: Nếu Thỉ giáo ở đỉnh cõi Sắc, thì vì dẫn dắt Tiểu thừa đồng với cõi để nói, nếu theo Chung giáo thì sẽ không ở ba cõi, như kinh Niết-bàn nói: Tây phương ở cách thế giới Ta-bà này ba mươi hai cõi nước Phật, nhiều như số cát sông Hằng, có thế giới hiệu là Vô Thắng, là tịnh độ thật báo của Phật Thích-ca. Nếu là tướng tương nhập của các căn, thì sẽ có hai nghĩa:

1. Theo bản tánh tức Bồ-tát Đại thừa, Duyên giác, Thanh văn. Nếu theo hiện giác, thì sẽ gọi chung là người Bồ-tát Đại thừa. Nay, thu nhiếp bản tánh là phân biệt từ Đại thừa, tức hai nghĩa: Biến hóa, sửa đổi tánh đều thành. Nếu tu đạo thành Phật, không thành Phật, thì người thực hành tu đạo, đều sẽ được thành Phật. Nếu đối với căn cơ khác, thì hiện không thành Phật. Nếu theo chánh lý, thì sẽ vô thành, bất thành. Nếu là tướng mạo của Phật, thì cũng đức, cũng tướng người, là tướng mạo của Phật.

Đại ý các văn trên đây đều chung cho giáo Thỉ, chung. Nếu là chủng tánh khác nhau thì năm giáo nói rằng:

2. Theo Thủ giáo, tức y cứ pháp hữu vi vô thường để lập chủng tánh, vì không thể cùng khắp tất cả hữu tình, nên trong năm chủng tánh tức đã có một phần chúng sinh không có tánh, nên luận Hiển Dương chép: Sự khác nhau của chủng tánh ra sao? Tất cả cõi khác nhau của năm thứ đạo lý, vì có thể được, cho đến nói chỉ đời hiện tại chẳng thể nhập Niết-bàn, vì không hợp lý, cho đến nói rộng, chỉ hiện ở đời chẳng phải nhập Niết-bàn, vì không hợp lý, cho đến nói rộng. Cho nên, phải biết, vì là pháp nhĩ, nên từ thời kỳ vô thủ đến nay, tất cả hữu tình đều có năm thứ tánh. Chủng tánh thứ năm vì không có nhân tố của công đức xuất thế, nên không bao giờ diệt độ. Do đạo lý này, nên công đức mà chư Phật đem lại lợi ích an vui cho hữu tình, không có lúc nào cùng tận. Người có chủng tánh kia như luận Du-già nói: Tánh cũng có hai thứ:

- a. Bản tánh trụ.
- b. Do tập thành.

Rộng như luận kia nói. Lại nói: Nếu trong Thủ giáo của Ba thừa, vì dùng dần Tiểu thừa khác là lạ nên nói là nhiều người có tánh, cũng vì chưa hoàn toàn khác hẳn với người kia, nên thừa nhận một phần không có tánh, vì thế trong luận phán quyết là thuyết không liễu nghĩa của quyền thí.

Theo Chung giáo của Đại thừa thì có mười môn:

1. Y cứ vào vị, từ mười tín, hạnh, cho đến sau mãn mười địa hoan hỷ, v.v... tức là thành Phật.

2. Từ sơ địa hoan hỷ, v.v... đến cuối địa thứ chín, ở địa thứ mười, tức là thành Phật, như kinh Phạm Võng nói. Đây là vì đối với Thanh văn, ứng hiện trên thân phàm, vì được chứng quả, nên tạo ra thuyết này. Thuyết này đối xứng với Phật biến hóa, trở thành chẳng phải đối xứng với thật thành.

Ký chép: Kinh Phạm Võng quyển thượng nói rằng: Thể tánh thứ mười, nhập địa cảnh giới của Phật, vì y chỉ văn này, nên biết thành Phật ở địa thứ mười.

3. Là y cứ vào vị, từ địa Sơ hoan hỷ đến địa thứ ba là ba cõi tương đồng của thế gian. Địa thứ tư trở đi, đến địa thứ bảy đồng nhau không có lưu truyền đức, gọi là Xuất thế.

Ký chép: Y cứ vào thân, đối tượng nương tựa, vì đồng với phần đoạn, nên thuộc về thế gian, mà đầu tiên của địa thứ tư vì được đức xuất thế, nên y cứ đức này là xuất thế. Thứ tám này đến địa thứ mười, gọi là xuất, xuất thế tức được thành Phật.

Ký chép: Thân là đối tượng nương tựa này, vì đều thành biến dịch.

Địa thứ tám thành pháp thân. (Ký chép: Theo luận Thập Địa, ý luận Khởi Tín giải thích, nghĩa là luận Khởi Tín nói rằng: Vì dựa vào địa tự tại của sắc, nên trở thành nghĩa tương tác của mười thân.

Luận Thập Địa chép: Vì ba thế gian tự tại, nên được mười tự tại. Vì y cứ vào vị này, nên đầu tiên của vị này thành Phật.

Trong địa thứ tám như thế, vì đã chứng Vô sinh nhẫn, nên thành pháp thân. Bốn mươi chín biện tài vô ngại trong địa thứ chín, vì ứng cơ, nói pháp nên thành ứng thân. Vì nói mây mưa pháp trong địa thứ mười, nên thành Hóa thân.

Địa thứ chín thành ứng thân, địa thứ mười thành hóa thân. Đây là vì tướng địa riêng ở trong mười địa, nên nói thuyết này.

4. Một niệm thành Phật, vì y cứ chân lý vô phân biệt, nên đã đặt ra thuyết này.

5. Y cứ vào chứng để nói một niệm thành Phật, vì chứng một niệm trong Sơ địa.

6. Một niệm ở sau mười địa chứng quả, gọi là một niệm thành Phật. Đối với một niệm trên, cái gọi là không có niệm.

7. Y cứ vào thời gian, nghĩa là sau ba tăng-kỳ, thì Đại thừa, ba thừa tức là Phật.

Luận Thập Địa quyển hạ chép: Ba tăng-kỳ của hai bất tịnh, có hai nghĩa:

a. Vì chung cho thế giới của tạp loại khác, như kinh Thắng Thiên Vương nói.

b. Vì y cứ đức của Phật không có giới hạn so lường, nên như kinh Bửu Vân chép: Nay người thiện nam! Bồ-tát không thể suy nghĩ, bàn luận bàn luận cảnh giới của Như Lai, không thể tư duy, so lường, chỉ vì chúng sinh cạn gầy, nên nói tu tập trong ba tăng-kỳ, mới được Bồ-đề, thật ra khi mới phát tâm đến nay, không thể tính đếm kiếp A-tăng-kỳ, không phải chỉ có ba.

Hỏi: Vì sao giáo trước đã quyết định ba tăng-kỳ, mà ở đây lại có nhất định, không nhất định?

Đáp: Vì giáo trước sinh, vì giáo này thành thực, nên phương tiện dần dần khuyên Ba thừa kia hướng về Nhất thừa, nên đặt ra thuyết này.

8. Y cứ hạnh, tâm kim cương, hậu đắc, Nhất thiết trí, trí tức là Phật.

9. Y cứ sinh tử: Sau khi diệt bảy thứ sinh tử, tức là Phật kia. Ký chép: gọi là phần đoạn, biến dịch ba hữu, vì bốn sinh tử nên nói là bảy

thứ sinh tử. Vì y cứ nghĩa này, nên Tướng Đức nói rằng: Bảy thứ khổ đế, vì thế Lương Luận chép: Ba thứ tập đế, nghĩa là da, thịt, tim.

Bảy thứ khổ đế: Phần đoạn của ba cõi là ba biến dịch, vì có bốn nên có bảy thứ. Luận Bảo Tánh chép: Biến dịch có bốn:

1. Tướng duyên.
2. Tướng nhân.
3. Tướng sinh.
4. Tướng hoại.

- Luận Phật Tánh chép:

1. Phương tiện.
2. Nhân duyên.
3. Có hữu.
4. Vô hữu, vô thượng.

- Y kinh chép: Trong ba cõi có bốn nạn:

1. Nạn phiền não.
2. Nạn nghiệp.
3. Nạn sinh báo.
4. Nạn lỗi lầm.

Nạn trụ địa vô minh, duyên khởi, nhân duyên, sinh tử, như nghiệp. Nạn vô minh trụ địa, duyên khởi có hữu, sinh tử, báo như sinh. Nạn duyên khởi vô minh trụ địa, không có sinh tử, như lỗi lầm.

**Giải thích:** kinh Thắng-man chép: Hạt giống nằm trụ gọi là Ngũ trụ địa. Y chỉ nằm trụ địa khởi hiện hành, gọi là Năm trụ khởi. Dựa vào duyên khởi hạt giống của trụ địa vô minh, hiện hành vô minh pháp chấp, là phương tiện của sinh tử biến dịch, vì gọi là phương tiện sinh tử: là trụ địa vô minh, năng sinh nghiệp mới không có trôi lăn, ví như vô minh sinh hành.

Hai nhân duyên: Dựa vào duyên của trụ địa vô minh, phát nghiệp không có trôi lăn, là sinh tử biến dịch, sinh tử của nhân duyên giúp đỡ gần. Hai sinh tử trước này không phải chánh biến dịch, vì làm phương tiện cho biến dịch và nhân duyên nên cũng gọi là sinh tử, như hoặc nghiệp trong ba cõi là nhân duyên phương tiện của phần đoạn, cũng gọi phần đoạn sinh tử, nên Nhiếp luận dịch vào đời Lương chép: Khổ, tập, gọi chung là sinh tử. Hữu của ba hữu nghĩa là dựa vào nghiệp không có trôi lăn, nghiệp này gọi là nhân duyên sinh tử. Hai sinh tử trước đây, chẳng phải chánh biến dịch, chỉ là phương tiện cho biến dịch và nhân duyên nên cũng gọi là sinh tử. Như hoặc nghiệp trong ba cõi là sinh tử phần đoạn, nên Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: Khổ, tập gọi chung là sinh tử. Có ba hữu: Y cứ

không có nghiệp trôi lăn, giúp cho có nghiệp trôi lăn. Đã dẫn biến dịch sinh tử, gọi là hữu, vì có sinh tử, nên Luận Phật Tánh nói: Hữu có sinh tử: Trụ địa vô minh này là phương tiện. nghiệp không có trôi lăn làm nhân. Thân do ý sinh của ba bậc Thánh. Ví như bốn thủ làm duyên, nghiệp có trôi lăn làm nhân, sinh thân trong ba cõi.

Bốn không có: Vì là thân sau cuối của biến dịch sinh tử, nên gọi là không có. Nên luận Phật Tánh chép: Không có sinh tử, là thân sau cuối của thân do ý sinh của ba bậc Thánh làm duyên, là không thể suy nghĩ lui sụt. Ví như sinh làm duyên tử, v.v... là sai lầm.

Hỏi: Thế nào là ba bậc Thánh?

Đáp: Kinh Thắng-man nói: Vô minh làm duyên, nghiệp nhân không có trôi lăn, sinh A-la-hán, Bích-chi-phật, ba thứ thân do ý sinh của Bồ-tát năng lực lớn, vì ở Thượng địa, nên kinh Lăng-già quyển năm chép: Có ba thứ thân do ý sinh:

1. Thân do ý sinh, niềm vui của tam-muội. Nghĩa là địa thứ ba, thứ tư, thứ năm.
2. Biết đúng như thật tướng về các pháp, thân do ý sinh. Nghĩa là ở địa thứ tám.
3. Thân do ý sinh, hạnh vô tác của chủng loại. Các sư giải thích khác nhau.

Sư thứ nhất nói: Y cứ vào địa riêng của ba học, ba địa là định. Nếu y cứ vào sáu độ, thì năm địa là định, nên nói rằng: Ba, bốn, năm gọi là tam-muội, thích thọ thân do ý sinh, vì Bát-nhã của địa thứ sáu hiện tiền, nên Lục, Thất, Bát địa gọi giác biết như thật các hạnh trí, thân do ý sinh mà nói thứ tám, nghĩa là nêu sau cùng của địa thứ tám kia.

Chín địa trở lên, gọi là thân do ý sinh, hạnh vô tác của chủng loại.

Sư thứ hai nói: Thứ nhất, vì lược địa một, hai, nên nói ba, bốn, năm.

Thứ hai, cũng vì lược bỏ địa một, hai, nên nói địa thứ tám, về thật lý mà nói, thì thứ nhất chung cho năm địa trước, thứ hai đi suốt qua ba địa: sáu, bảy và tám.

Thứ ba đi suốt qua hai địa chín và mười.

Sư thứ ba nói: Kế là thứ hai đối với địa thứ tám, thì biết Thất địa thứ nhất đã trở lại mà chỉ nói là ba, bốn, năm. Trong đây, lược bỏ trước, sau, lấy thật mà nói, thứ nhất đi suốt qua Thất địa trước. Thứ hai là chỉ địa thứ tám, thứ ba là hai địa chín, mười. Lại, Lăng-già bốn quyển chép: Thứ nhất gọi thú vui tam-muội thích thọ thân do ý sinh. Nay, y cứ vào

luận Phật Tánh, Sư Chân Đế giải thích kinh Thắng-man.

Ba thứ thân do ý sinh: Là bậc Thánh, chủng tánh của ba thừa. Nhập Sơ địa trở lên, thọ thân do ý sinh, nên gọi là ba thứ, chẳng phải ba thứ thân do ý sinh thú vui tam-muội v.v... trong kinh Lăng-già, nên Luận Phật Địa chép: Có sinh tử hữu, hữu là thân sau cuối do ý sinh của ba bậc Thánh dựa vào sinh.

Nhiếp luận dịch vào đời Lương chép: Bát địa trở lên là có sinh tử hữu, Bồ-tát Kim Cương là không có sinh tử. Hai sinh tử này, luận Phật Tánh đều nói ba bậc Thánh, nên biết chủng tánh ba thừa cho đến Bát địa trở lên, thọ có sinh tử hữu. Từ chủng tánh gốc đặt tên, gọi là La-hán, Bích-chi, vì Bồ-tát có năng lực lớn, nên kinh Lăng-già quyển bảy chép: Đại Tuệ! Thanh văn, Bích-chi-phật, ở trong Bồ-tát của địa thứ tám, ưa chấp mắc vắng lặng, vì say môn vui tam-muội, nên chẳng thể khéo biết, chỉ dứt kiến, thuận theo tự tướng, đồng tướng, vì huân tập chướng ngại, nên tùy thuộc nhân vô ngã, thấy lỗi, nên dùng tâm phân biệt gọi là Niết-bàn, mà không thể biết các pháp vắng lặng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Đức Thế Tôn nói Thanh văn, Bích-chi-phật, nhập môn vui tĩnh lặng của địa thứ tám. Như Lai lại nói: Thanh văn được nhân vô ngã, mà chưa được pháp vô ngã phải chăng.

Nếu nói như thế thì Thanh văn, Bích-chi-phật hãy còn chưa thể chứng pháp Sơ địa, huống chi môn vui vắng lặng của Bát địa? Phật bảo:

Này Đại Tuệ! Thanh văn có hai. Nói nhập môn vắng lặng của Bát địa, đây là người trước tu hạnh Bồ-tát, thuận theo địa Thanh văn, trở lại y chỉ bản tâm, tu hạnh Bồ-tát, đồng nhập môn vắng lặng của Bát địa, chẳng phải tăng thượng mạn, Thanh văn vắng lặng vì Thanh văn kia không thể nhập hạnh Bồ-tát, không hề giác biết ba cõi chỉ do tâm. Chưa từng tu hành các pháp của Bồ-tát, chưa từng tu hành các hạnh Ba-la-mật của mười địa.

Cho nên, chắc chắn vắng lặng, Thanh văn không thể chứng môn vui vắng lặng mà Bồ-tát kia đã thực hành. Vì sao có danh từ sinh tử?

Đáp: Gọi chung là biến dịch sinh tử, chuyển biến, sửa đổi, hoặc sinh, hoặc tử, đều là y cứ theo tướng mà đặt tên, tên riêng là phương tiện nhân duyên. Hai pháp này y cứ vào dụng có hữu, không có hữu, vì đối với sau đặt tên, nên luận Phật Tánh chép: Có sinh tử hữu như trên, trôi lăn người bát A-na-hàm. Người bát Niết-bàn trong sinh thứ hai, nghĩa là vì sự sinh của hữu khác, nên gọi có hữu, không có sinh tử hữu là thân sau cuối của sinh tử biến dịch, nên lại vì không có sinh tử nên gọi là không

có hữu.

Hỏi: Y cứ vào vị để phán quyết ra sao?

Đáp: Nếu y cứ vào tổ ngộ ngay, thì Bát địa trở lên thọ sinh biến dịch, do vị này trở lên, phiền não không khởi, không có tiếp nhận, lại vì thọ sinh phần đoạn. Nếu người tổ ngộ dần, thì Thất địa trở xuống, cũng thọ biến dịch. Nếu y cứ bốn thứ, y cứ chung mà nói, thì mỗi vị đều có. Nếu y cứ vào vị để phân biệt, thì chỉ y cứ Lương Luận: Hai mươi hai vô minh chiêu cảm trong mười một báo thô. Tám vô minh đầu tiên chiêu cảm bốn thô nặng, vì là phương tiện sinh tử, nên biết phương tiện ở bốn địa trước, tiếp theo sáu vô minh chiêu cảm ba thô nặng là vì nhân duyên sinh tử, nên biết nhân duyên ở Ngũ, Lục, Thất địa. Kế là sáu vô minh chiêu cảm ba thô nặng, là vì có sinh tử hữu, nên biết có hữu ở Bát, Cửu, Thập địa. Hai vô minh tiếp theo chiêu cảm một thô nặng, là vì không có sinh tử, nên biết không có vị kim cương này. Nếu là phương tiện và nhân duyên đều có sinh tử hữu, tự địa khởi, tự địa đoạn. Nếu không có sinh tử hữu, thì chương Phật địa sẽ do kim cương dứt trừ. Vì sao? Vì Thập địa là nêu vị, nên chứng tự địa, do tự địa đoạn. Vì vị vô học của Phật địa, nên kim cương đoạn chương của Phật địa.

Hỏi: Nếu trước kia đã nói phương tiện, nhân duyên, chính là phương tiện biến dịch, thì nhân duyên chẳng phải chánh sinh tử, vì sao đều nói do chiêu cảm quả báo thô nặng là biến dịch?

Đáp: Nếu tổ ngộ dần trong vị phương tiện, nhân duyên thì tức là phần đoạn, gọi là báo thô nặng. Nếu hướng về sau, nói bốn địa ban đầu thì đồng với phàm phu. Vô minh thêm mạnh xa với Bát địa trở lên, sinh tử biến dịch là phương tiện của Bát địa đó. Ngũ, Lục, Thất địa tương đồng với Nhị thừa và Bồ-tát tu đầu tiên, tu đạo không có trôi lăn cũng với Bát địa trở lên, đã chiêu cảm biến dịch làm nhân tố giúp đỡ. Nếu thể chánh biến dịch của hai thứ sau, thì sư Tuệ Viễn sẽ bảo: Nói hai sinh tử đều có sáu thô nặng. Nói sáu thô nặng của phần đoạn: Ba thô nặng của đường ác với ba thô nặng của đường lành.

Hỏi: Thế nào là ba thô nặng của đường ác?

Đáp: Phần đoạn mà một phàm phu đã thọ, thì lấy nghiệp ác làm nhân, bốn trụ địa làm duyên. Mười tám phải thọ phần đoạn, dùng nghiệp ác làm nhân, bốn trụ địa làm duyên; bi nguyện làm giúp đỡ. Ba chủng tánh trở lên, cho đến Sơ địa đã thọ phần đoạn, dùng nghiệp ác làm nhân, bi nguyện làm chánh duyên, bốn trụ địa làm giúp đỡ. Y cứ ba thô nặng này làm phần đoạn của đường ác.

Hỏi: Phần đoạn của ba thô nặng của đường lành ra sao?

Đáp: 1. Phạm phu, Nhị thừa, Đại thừa, mười tín đã tiếp nhân nghiệp lành của phần đoạn làm nhân, bốn trụ địa làm duyên.

2. Chủng tánh giải, hạnh đã thọ nghiệp lành của phần đoạn làm nhân, bốn trụ địa làm chánh duyên; Bi, nguyện làm giúp đỡ.

3. Thượng địa đã tiếp nhận nghiệp lành của phần đoạn làm nhân, bi nguyện làm chánh duyên, bốn trụ địa làm giúp đỡ, y cứ ba thô nặng này làm phần đoạn của đường lành.

Nói sáu thô nặng của sinh tử biến dịch, nghĩa là ba thô nặng của sự nhận thức, và ba thô nặng của vọng thức.

Hỏi: Biến dịch của ba thô nặng trong sự thức như thế nào?

Đáp: 1. A-la-hán, Bích-chi-phật đã thọ sinh không quán trong sự thức của biến dịch làm nhân. Vô minh trụ địa làm duyên. 2. Giải hạnh của hai thứ tánh đã thọ lãnh quán pháp không trong sự thức của biến dịch làm chánh nhân, trụ địa vô minh làm duyên. 3. Địa Thượng đã thọ giải của tướng không có dứt, chẳng phải có trong sự thức của biến dịch, làm chánh nhân, trụ địa vô minh làm duyên.

Hỏi: Y cứ vào ba thô nặng này là ba thô nặng sinh tử biến dịch trong sự thức phải chăng?

Đáp: 1. Địa tiền đã tiếp nhận tất cả vọng tưởng trong vọng thức biến dịch, 2. Nương vào chân quán làm nhân, trụ địa vô minh làm duyên.

3. Bát địa trở lên đã tiếp nhận chỉ chân thật không có luống dối, dứt quán tưởng trong vọng thức biến dịch, làm chánh nhân, trụ địa vô minh làm duyên. Y cứ ba thô nặng này làm ba thô nặng sinh tử biến dịch trong vọng thức.

Kinh Lăng-già quyển hạ chép: Nếu y chỉ địa tiền chung giáo, để lại hoặc, thọ thân phần đoạn, thì sẽ đoạn hẳn tất cả hạt giống hết sử phiền não, cũng không phân tích phân biệt, câu sinh kia, đối với sở tri chướng cũng đoạn một phần chánh sử của phẩm thô. Cho nên, trên địa thọ thân biến dịch đến vị kim cương.

10. Theo kinh Đại Thừa Đồng Tánh chép: có ba thứ mười địa: Mười địa Thanh văn, mười địa Duyên giác, mười địa của Phật, vì dẫn dắt Tiểu thừa đồng với nghĩa chung giáo của Đại thừa, nên đặt ra thuyết này.

Danh, v.v... mười địa kia đầy đủ như số nói. Lại, có sự khác nhau, tướng của mười địa rộng như Nhiếp Luận dịch vào đời Lương đã nói.

Chương tu thời giải thích, Ký chép: Kinh Đại thừa kia cũng gọi là tất cả hạnh Phật, nhập trí tạng Tỳ-lô-giá-na nói kinh có dẫn quyển đầu

trong hai quyển.

Chương tu thời: Đây là dẫn phần thứ năm, chương tu thời, trong quyển thứ mười một của luận Đại thừa kia, như luận ấy nói: Nếu thấy chân như tức nhập địa hạnh ý thanh tịnh. Từ Sơ địa đến Thập địa đều được tên gọi này. Người hạnh ý thanh tịnh có bốn hạng:

Người thứ nhất. Từ đạo đặt tên, nghĩa là ý hạnh thanh tịnh, ba hạng người sau, từ riêng mà đặt tên, nghĩa là hạnh có tướng, hạnh vô tướng, hạnh vô công dụng.

Người với ý thanh tịnh này, từ địa thứ sáu trở xuống, gọi có hành tướng, cho đến địa thứ bảy là hạnh vô tướng có công dụng, cho đến nếu nhập tám địa có hạnh vô tướng không có công dụng, chưa thành tựu. Nếu Bát địa viên mãn, đối với hạnh vô tướng của Bát địa không có công dụng đã thành. Đối với hạnh vô tướng không có công dụng của Cửu địa, Thập địa chưa thành mãn, vô tướng không có công dụng này của A-tăng-kỳ kiếp thứ ba mới thành. Ví như ba vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm chế ra làm năm người. Nếu ba vị thì làm sao chế ra thành năm người. Vì vị khác nhau, nên thành năm người.

Từ phương ban đầu đến Tu-đà-hoàn là người thứ nhất, Gia Gia là người thứ hai, Tư-đà-hàm là người thứ ba, một hạt giống là người thứ tư, A-na-hàm là người thứ năm. Địa vị Bồ-tát cũng như thế, Sơ địa là vị thứ nhất, từ Nhị đến đến Thất địa là vị thứ hai, Bát địa đến địa thứ mười là vị thứ ba, cũng được lập làm năm người.

Từ phương tiện đến Sơ địa là người thứ nhất. Từ Nhị địa đến Tứ địa là người thứ hai. Ngũ địa đến Lục địa là người thứ ba. Thất địa là người thứ tư, Bát địa đến Thập địa là người thứ năm.

**Giải thích:** Đây là y cứ quả của thừa Thanh văn.

Giải thích mười địa: Nói lên rõ sự khác nhau trong mười địa, sự giải thích của người khác, nên chương này dẫn văn này, chỉ rõ sự khác nhau của mười địa ba thừa khác nhau.

Hỏi: Nếu như vậy thì với mười địa này so sánh ý giải thích ra sao?

Đáp: Tuệ Cảnh Đức nói từ phương tiện đến Tu-đà-hoàn là người thứ nhất. Là người Sơ địa: Vì là đồng loại với kiến đạo. Người Gia Gia: Đây là từ sự chết, sống của con người, ở trong cõi trời, trở lại cũng đến trong cõi người, như từ nhà đến nhà nên nói rằng nhà nhà. (Gia Gia)

Khi tu hoặc trong địa thứ hai, dùng trí không có trôi lăn mà tu hành, đến Tứ địa trở xuống được trí không có trôi lăn kia, nên y cứ vào nghĩa này để so sánh với nhà nhà. Ngũ địa, Lục địa vì rất trội hơn trong

vô tướng, nên hạnh hữu tướng mỏng, chỉ người của địa mỏng. Trong Thất địa, lia hạnh có tướng, chỉ vì vị có công dụng, nên chỉ thọ nửa đời. Bát địa trở lên, vì lia có công dụng, nên y cứ người đã lia dục có thể biết.

Tình, phi tình thành Phật.

Hỏi đáp: Nếu y cứ vào Chung giáo Ba thừa, tức tất cả chúng sinh hữu tình đều thành Phật. Do trí Thánh của người khác làm sáng tỏ Phật tánh sẵn có và tánh hạnh, nên trừ cỏ, cây v.v... kia, như kinh Niết-bàn chép: Nếu là chỗ thành Phật thì Chung Nam vấn đáp chép: Nếu Ba thừa Chung giáo, như ba thiên, v.v... Thế giới đồng loại, hiện Phật thành, đều là hóa Phật. Vì sao? Vì luận Đại Trí Độ nói: Dẫn rộng thế giới thành Phật, như sở mà được biết, đều là cảnh hóa của một hóa Phật, vì hiện thân nhiều chỗ, nên là hóa. Thân trời Ma-hê-thủ-la cũng là do hóa tạo ra. Do quyền hiện dưới cây Bồ-đề ở Diêm-phù. Cho nên, tất cả hóa Phật ở cõi Liên Hoa Tạng Phật là thật báo. Tịnh độ mười phương của thể, tướng, dụng chung, do Phật hóa hiện ra là báo Phật, tất cả thân thuộc là pháp môn. Vì thị hiện dắt dẫn tiểu căn Ta-bà này, chúng sinh rất ráo tu tập nên như kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ nói: Nếu tu nghiệp tướng tốt, mà y cứ vào Chung giáo và Bồ-tát tiến thắng đều từ phát tâm đến nay, tất cả đều tu mười địa. Chung giáo không có riêng.

Trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt. Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ chép: Giải thích về hạnh thật trong Chung giáo này, từ phát ý tức phước, tuệ song tu, nên khi thành Phật không có tu riêng. Nếu chủng tánh, Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ nói: Tức y cứ vào tánh chân như, vì lập chủng tánh nên khắp tất cả chúng sinh đều có tánh, nên luận Trí Độ chép: Đá trắng có tánh bạc, đá vàng có tánh vàng, nước có tánh ẩm ướt, lửa có tánh nóng. Tất cả chúng sinh đều có tánh Niết-bàn.

Hỏi: Như có người vặn hỏi: Nếu người nào có tâm, sẽ được Bồ-đề, thì Phật cũng có tâm lẽ ra cũng được chẳng? Nếu nói: Phật dù có tâm, lại không phải sẽ đến, đây là chúng sinh không có tánh, dù là có tâm cũng chẳng phải sẽ được chẳng?

Đáp: Trong kinh đã vì sự giác biết quá lạm, nên nói: Chúng sinh có tâm, không nói là Phật, vì nơi nơi thọ sinh, gọi là chúng sinh, nên không đồng với Phật. Rộng như thuyết kia nói, về địa vị cũng như quyển hạ đã nói.

Thứ tư, là y cứ vào đốn giáo mà nói chỉ có một môn, cái gọi là vô tướng. Vì sao? Vì tam-muội hữu hạnh là nhân của tam-muội nhất hạnh kia, vì chân như đã thành, nên chẳng thể nói có. Có các môn tướng

khác thành, cũng có tất cả môn này đều lia, đó gọi là Phật. Nếu khi tu, Khổng Mục nói: Nếu là nghĩa Đốn giáo thì chẳng thể nói. Về chủng tánh; quyển hạ nói: Chỉ một chân như lia lời nói, dứt tướng, gọi là chủng tánh, mà cũng không phân chia cái khác giữa tánh, tập, vì tất cả pháp chẳng có hai tướng. Cho nên, kinh Chư Pháp Vô Hành chép: vì sao việc này gọi là chủng tánh?

Văn-thù-sư-lợi nói: Tất cả chúng sinh đều là một tướng, rốt ráo bất sinh, lia các tên gọi, vì một, khác không thật có, đó gọi là C tánh. Lại, vị hạnh: Tất cả vị hạnh đều không thể nói, vì lia tướng, nên một niệm bất sinh, tức là đến vị Phật. Nếu thấy tướng khác nhau v.v... của vị hạnh, tức là vị trái ngược. Nếu nhờ lời nói để biểu thị rõ, như Lăng-già nói: Sơ địa tức Bát địa, cho đến nói: Không có tất cả thứ lớp nào chăng? Nếu thân, là đối tượng nương tựa, thì tất cả vị hạnh đã không thể nói. Phần thân, đối tượng nương tựa cũng so sánh với đây, rất dễ hiểu.

Thứ năm, là y cứ vào nghĩa Nhất thừa: Tâm sau cùng của mười tám, cho đến mười vị giải sau, mười Hạnh, mười Hồi hướng, mười Địa đều thành Phật. Lại, ở địa thứ mười cũng riêng thành Phật. Như trong Pháp Bảo Chu La Thiện Tri Thức chép. Vì sao? Vì nghĩa của Nhất thừa là dẫn ba thừa và tiểu thừa v.v... đồng với vị dưới và trong thân dưới được thành Phật.

Lại, Bát địa trở lên tức thành Phật. Như đối với vị này thành tất cả thân Phật vô ngại, nên ở đây là nói theo Biệt giáo.

Ký chép: quyển bốn mươi chín nói rằng: Nhà kia rộng lớn, mười lớp, tám môn, cho đến nói: Thấy Bồ-tát bổ xứ lớp thứ chín đầy đủ trong đó, thấy tất cả Như Lai của lớp thứ mười đầy đủ trong đó.

**Giải thích:** Tám môn, nghĩa là tám Thánh đạo. Mười lớp, nghĩa là Mười địa. Tất cả Như Lai ở trong địa thứ mười, đầy đủ trong đó, nên nói rằng: Lại, ở địa thứ mười cũng riêng thành Phật. Xem xét rộng mười chín quyển sơ có ba cách giải thích:

1. Y cứ các sư xưa, Tám lớp trong mười lớp, mở ra tám, chín lớp khác, như thứ lớp, phối hợp với Sơ địa cho đến Đẳng giác, Diệu giác, nên sơ chép: Chín bổ xứ, v.v...: là nói vì thọ chức, v.v... của mười địa cũng là vị Đẳng giác. Mười tất cả Như Lai: Vị Diệu giác, từ mới phát tâm v.v... nói về thu nhiếp nhân thành quả. Khổng Mục y cứ vào ý cách giải thích này để nói.

Các giải thích thứ hai của sơ, phối hợp với vị mười hạnh. Các giải thích thứ ba đều không y cứ vào vị để nói. Mười biểu thị rõ vô tận, như trong sơ. Tri thức này là thiện tri thức của hạnh không có si, loạn.

Pháp Bảo Chu La Sở chép: Hán dịch là Đỉnh kế, tức dùng pháp thành nhân, biểu là đỉnh kế. Gốc Thiên-trúc nói: Có Trưởng giả tu theo Chánh pháp tên là Bảo Chu La, chỉ rõ dụng định kia có thể là tướng rất tôn quý. Nếu y cứ vào đồng giáo để nói, thì thu nhiếp đạo lý mà bốn thừa trước đã nói, tất cả đều là văn nghĩa của Nhất thừa, dù là đồng, nhưng nghĩa đều khác nhau. Tướng khác nhau của các pháp như thế, vì thủ hộ mười địa, nên thuận theo môn phương tiện, tạo ra các thứ thuyết, khiến các chúng sinh đối với mười địa lìa tăng thượng mạn.

Ký rằng: Người ba thừa quyết định đi thẳng tất đến mười địa mới được thành Phật, nên thuộc về tăng thượng mạn, vì muốn cho lìa bỏ tăng thượng mạn này, nên mỗi vị đều được thành Phật.

Lại, y cứ vào nghĩa chung riêng của sáu tướng, tức là Nhất thừa thuận theo tướng nghĩa khắp riêng, tức là ba thừa. Đây là y cứ vào phần giáo để nói pháp mà mười địa Nhất thừa kia cùng tận ba đời kia đã đi suốt qua rốt ráo. Đây là y cứ vào chứng để nói.

Ký chép: Đối với dụng của mười địa này, là pháp Đà-la-ni duyên khởi của sáu tướng: Tức là tự tại vô ngại, vì mười địa là Nhất thừa. Nếu thuận theo dụng hơn kém của phần vị trí pháp không, phát ra là mười địa: Tức là Ba thừa. Đây là y cứ vào phần giáo để nói, nghĩa là dùng giáo của sáu tướng, duyên khởi của pháp hiện nay, mới được là Nhất thừa: Đây là y cứ ở phần giáo mà giải thích: Nếu y cứ vào phần chứng, thì sẽ tự tại cùng tận ba đời, đi suốt qua chỗ rốt ráo làm vị chứng, cho nên tình, phi tình đều thành Phật.

Hỏi đáp: Y cứ vào nghĩa Nhất thừa, tất cả chúng sinh y chỉ chung và chánh đều thành Phật, như kinh Hoa Nghiêm nói: Dùng nghĩa này để so sánh bốn câu trên, về nghĩa tức là Cộng giáo Nhất thừa, chẳng phải Biệt giáo. Nếu người thành Phật trước, sau, thì sẽ thành Phật trong mỗi niệm, đều cùng tận hữu tình đã được hóa độ, Thập trụ trong các giai vị trở lên, cho đến Bồ-đề đều cùng tận cõi chúng sinh, trở thành vị đầy khắp, không có trước, sau, vì là đồng một duyên khởi cây Bồ-đề cao lớn. Nếu khi thành Phật, y cứ vào thời tiết thành Phật của nghĩa Nhất thừa, đều không nhất định, vì thời tiết của thế giới mười phương khác nhau. Thế giới, v.v... của Nhân-đà-la đều y cứ vào vị báo của phần đối xứng, nói là các kiếp hữu vi tương tác và tương nhập, v.v... nên thời lượng không có nhất định, vẫn là pháp của thời tiết không trái. Kinh Hoa Nghiêm quyển hạ chép: Tất cả thời phần đều không nhất định. Vì sao? Vì các kiếp tương nhập, vì tương tác, bao gồm chung tất cả các thế giới Nhân-đà-la, nên vẫn đều thuận theo xứ, hoặc một niệm, hoặc vô

lượng kiếp, v.v... pháp của thời gian không trái. Khổng Mục quyển bốn chép: Nếu là nghĩa Nhất thừa thì tức là kiếp vô tận. Vì sao? Vì y cứ vào Nhất thừa, tất cả chúng sinh đã thành Phật, lại vì chúng sinh mới thành Phật, cũng không trụ học địa mà thành Chánh giác. Vì y cứ vào thời phần không giới hạn này cho nên vô tận. Giáo nghĩa này và sự so sánh, suy lường đức của mười địa, sinh ra niềm tin cho họ. Lại, pháp số là đi suốt qua đức của mười địa. Nếu ứng, hóa của Phật phương khác, hoặc y cứ ở Nhất thừa thì chỉ có mười vị Phật. Nếu y cứ vào phần hạnh mà nói, thì sẽ không phân chia nghĩa tu sinh và bản hữu. Nếu hiểu rõ đại đạo, thể tức nhất thiết chủng, thể tướng tức là tướng của nhất thiết chủng, dụng tức là dụng của của nhất thiết chủng. Các phương tiện Phật, hoặc danh, hoặc nghĩa, đều y chỉ hải ấn Thích-ca hiện không có Phật riêng. Hoặc mẹ Phật, hoặc y cứ Nhất thừa, tất cả chư Phật trụ trong sức định hải ấn của Phật Thích-ca. Dùng nghĩa này so sánh các quyển thuộc, v.v... đều đồng như vậy. Nghĩa thể, tướng, dụng và biến hóa, sửa đổi tánh, v.v... so sánh với đây rất dễ hiểu. Nếu căn tình tương nhập, tương tác, nghĩa là y cứ vào sửa đổi tánh, biến hóa của giáo Nhất thừa đều dựa vào duyên khởi, pháp căn bản thể hiện rõ cũng không có tánh riêng để biến hóa, có thể sửa đổi. Hoặc hiện, hoặc làm, đều thuộc về biến hóa trước, là thể của Nhất thừa, có phàm, có thân, lại có đức thể. Nếu nhân quả khác nhau: Nghĩa là nếu y cứ vào Nhất thừa, tất cả nhân quả thành Phật giới hạn cùng khắp, thì đi suốt qua sự phân chia xếp đặt của tất cả cảnh nhỏ nhiệm, bí mật của Nhân-đà-la, cùng tận lượng khắp, phân chia xếp đặt của ba thế gian, như kinh Hoa Nghiêm, môn Phổ Hiền, so sánh rất dễ hiểu. Tất cả hai vị nhân quả dứt hoặc, v.v... của người tu hành đều cùng tận, không cùng tận. Nếu người tu đạo thành Phật, thì y cứ vào giáo Nhất thừa đối với căn cơ trước, nếu người tu thành Phật, thì thường thành tựu, đều mới dứt kiết thành Phật, cũng không trụ địa giác thành Phật. Nếu đối với căn cơ không thành, thì sẽ thường xuyên không thành. Giống như biển cả ở trong các vị không có đầy đủ, tức kinh Lăng-già nói Nhất-xiển-đề Bồ-tát. Nếu đối với căn cơ, bệnh khác, thì sẽ không có thành và không thành. Nếu đối với Phổ Hiền, thì cũng thành, không thành. Nếu là tướng mạo Phật, thì sẽ y cứ vào giáo Nhất thừa là đức, là tướng, là phi đức, phi tướng, vì do lý duyên khởi đầy đủ nghĩa tác, bất tác, nghịch, thuận.

Thân v.v... là đối tượng nương tựa của chủng tánh, hạnh, vị, như quyển hạ đã nói.

\* Thứ tư, môn nhanh chóng được thành chủng loại Phật.

Khổng Mục quyển tư chép: Lại, y cứ vào văn Di-lặc, chư Phật, Bồ-tát tu vô lượng kiếp, Thiện Tài một đời đều được. Theo kinh Hoa Nghiêm, sự mau chóng thành Phật có năm thứ:

1. Y chỉ thân vượt hơn từ giai vị thấy, nghe, một đời sau, cho đến thân sau của định Ly cấu, tức thành Phật.
2. Y cứ vào sự thấy, nghe, sự sinh thẳng tắt, chắc chắn nhanh chóng.
3. Y chỉ một thời gian nhanh chóng được thành Phật.
4. Y chỉ một niệm nhanh chóng được thành Phật.
5. Y cứ không có niệm, mau chóng được thành Phật.

Nghĩa đầu tiên có bốn (như môn trên). Nghĩa thứ hai, dựa vào sự sinh của não tăng tắt thấy, nghe, chắc chắn nhanh chóng. Như trong Sơ địa có ba thời gian lợi ích:

1. Lợi ích khi nghe.
2. Lợi ích khi thực hành.
3. Lợi ích lúc chuyển sinh.

Nên Địa Luận chép: Các Như Lai này che chở cho các Bồ-tát. Người này có khả năng nghe, nhớ giữ pháp mầu nhiệm như thế. Đây là lợi ích khi nghe. Các địa đều không nhớ, dần dần đầy đủ, chứng mười thứ lực của Phật, thành Bồ-đề vô thượng. Đây là lợi ích khi tu hành, dù ở biển cả và kiếp cùng tận, trong lửa, quyết định tin, không có nghi, tất nhiên được nghe kinh này. Đây là lợi ích khi chuyển sinh, Bồ-tát Địa Tín, hạnh ý, nghe, vâng giữ pháp tạng mà tạng Kim cương này đã nói, thì được chư Phật che chở, lìa các việc ma. Đây là lợi ích khi nghe. Đã nghe pháp cao quý, dần dần tu viên mãn các hạnh của mười địa, cho đến thành Bồ-đề. Đây gọi là lợi ích khi tu hành. Hoặc có chúng sinh của cõi nước không nhất định, nghe pháp mầu nhiệm của Thập địa này, gieo trồng hạt giống kim cương, dù sinh vào chỗ có tai nạn, đường lành, đường ác, nhiều kiếp số thẳng tắt trong xứ tai nạn kia, tất nhiên được đồng với kinh này. Đây gọi là chuyển sanh thời ích.

Hỏi: Nếu vậy thì đã trải qua nhiều đời, sao lại nói mau chóng thành Phật?

Đáp: Trải qua nhiều đời là ý của môn Ba thừa, vì khi ngộ nhập Nhất thừa là mau chóng thành Phật, nên Huyền Môn chép: Hỏi: Đã nói tu lâu mới được, sao lại nói một niệm được? Đáp: Người tu lâu gốc lành, tức là thuộc về giáo Ba thừa, từ Ba thừa nhập Nhất thừa, tức là vì một niệm đầu, cuối đầy đủ, nên kinh nói: Khi phát tâm cho đến trở xuống là nói Thiện Tài phát tâm từ Văn-thù, cầu thiện tri thức, trải qua con

đường thẳng tất một trăm mười ngôi thành, không bằng một niệm được thấy Bồ-tát Phổ Hiền, nên biết được nhập biển cả duyên khởi này, một niệm há không thành Phật hay sao?

3. Y cứ một thời gian nhanh chóng được thành Phật, như Đồng tử Thiện Tài, một khoảng thời gian ở chỗ tri thức, được pháp Phổ Hiền. Đây là nói theo thiện tri thức sau cùng, như thứ lớp ở trên đã dẫn ý văn của huyền môn, cho đến bạn lành này. Vì đã được pháp Phổ Hiền, vì nhân quả không hai, nên số quyển hai mươi chép: Thứ năm, là nói lên sự rộng lớn về nhân của tri thức về trước, soi rọi lý không hai, rõ ràng rất sâu, mới có khả năng, thành Phật, vì nhân tố rộng lớn, nên ở đạo tràng, trước Như Lai, vì biểu thị Phổ Hiền ngang đồng với quả Phật, vì vị nhân quả đồng. Lại nói: Một thân nói đầy đủ thân Phổ Hiền, dưới đây có mười ba thứ, ngang bằng với chư Phật. Đây là vị nhân viên mãn lại không có đối tượng tu.

Cho nên, chỉ nói rằng: Ngang bằng với chư Phật, không giải thích lại câu tri thức tu nhân, vị Phổ Hiền xong, nên biết đây là y cứ theo lý thành Phật, vì nhân quả không hai, một lúc thành Phật, người đi trên cõi lành này chưa nhập tín mãn và sơ trụ v.v... nên chẳng phải là hạnh thành Phật vị, thành Phật.

4. Y chỉ một niệm mau chóng được thành Phật, nếu kế hợp với pháp Phổ Hiền, một niệm liền thành Phật, đây là dựa vào niệm thế tục đế, cũng y cứ vào Thiện Tài, v.v...

Ở trên, y cứ vào thời điểm nghe nói pháp, nói là thành Phật. Đây là nhận lấy nghĩa niệm niệm thành Phật, vì là lý thành Phật, nên thuận theo sự tự tại y chỉ tục đế, mà nói một niệm.

5. Vô niệm mau chóng được thành Phật: Tất cả pháp bất sinh, tất cả pháp bất diệt. Nếu hiểu được như thế, tức là người thấy chân Phật.

Ký chép: Có thuyết nói: Y cứ vào Duy-ma: Một niệm bất sinh tức là Phật. Nghĩa này không phải như vậy, vì đồng là niệm tục đế, tức là Vô sinh, nên nói rằng: Không có niệm thành Phật. Tất cả pháp bất sinh, v.v... là lên cõi trời Dạ-ma, vẫn có thể tìm chỗ vắng.

\* Thứ năm, môn Hỏi đáp phân biệt.

Hỏi: Ý của tông là khi tất cả chúng sinh đều là Phật, thì Phật và chúng sinh có gì khác nhau?

Đáp: Vì đồng một pháp duyên khởi, nên khi Phật hoàn toàn là Phật, chẳng có chúng sinh riêng, lúc chúng sinh hoàn toàn chỉ cho chúng sinh, cũng chẳng có Phật riêng. Nếu chẳng phải hoàn toàn Phật, chẳng phải hoàn toàn chúng sinh, thì duyên khởi sẽ không thành, nên chẳng

có chúng sinh, cũng không có Phật, vì tất cả pháp là pháp duyên khởi được thành bởi nhất như, nên hoàn toàn thu nhiếp lẫn nhau mới lập môn chúng sinh, nên hoàn toàn là chúng sinh. Vì môn Phật nên đều là Phật. Vì thế, nên chẳng phải không có chủ thể hóa độ kia, chúng sinh là đối tượng hóa độ của Phật.

Hỏi: Phật là Đấng toàn giác, còn chúng sinh hoàn toàn mê, nếu Phật và chúng sinh là một, thì chỉ là hoặc thối, làm sao có chủ thể hóa độ, cũng như chúng sinh và Phật là một, thì chỉ hoàn toàn là người giác, đâu có đối tượng giáo hóa?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Không có chủ thể hóa độ, đối tượng hóa độ.
2. Có chủ thể hóa độ, đối tượng hóa độ.

Ý nghĩ ban đầu vì hoàn toàn là chúng sinh nên không có chủ thể hóa độ, vì hoàn toàn là Phật nên không có đối tượng hóa độ. Ý nghĩa sau hoàn toàn là hai, nên có chủ thể, đối tượng hóa độ. Vì sao? Vì pháp duyên khởi không có chướng, không có ngại, vì quyết định chẳng có một, nên thuận theo đều được như hư không, hư không hóa, chủ thể hóa, đối tượng hóa chẳng có chướng ngại. Nhưng đối tượng tình chấp chẳng thể theo kịp.

Hỏi: Khi Phật thấy chúng sinh mê hoặc, hoặc dùng tâm mê hoặc để thấy, hoặc dùng trí giác để thấy. Nếu dùng tâm hoặc để thấy, thì hoặc chẳng phải khéo thấy, làm sao được thấy? Nếu dùng trí giác để thấy, thì giác dứt bật thấy biết, làm sao có chủ thể thấy?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Kiến hoặc, kiến giác.
2. Kiến đều không được.

Ý nghĩa đầu tiên như quý, quý thấy, con người không thấy, hoặc dùng hoặc để thấy, giác chẳng thấy. Như đối với thú dữ, thấy là quý, là quý mê hoặc, thấy quý chẳng phải hoặc, nghĩa này cũng vậy, hoặc thấy hoặc, cũng giác chẳng phải hoặc. Cho nên, Phật nói: Ta và ông chẳng khác, ông tự cho là khác. Ý này là ngã là người giác, ông vì mê chấp, nên biết hoặc, và giác chẳng khác. Ý nghĩa sau, hoặc vì nghĩa của kiến này, nên chẳng phải hoặc thấy, mà vì hoặc thấy hoặc, nên chẳng phải giác thấy.

Hỏi: Phật đã là người giác, làm sao hoặc thấy hoặc?

Đáp: Giác biết thể hoặc không hai, mà giác biết mặc tình tự hoặc thấy gọi là hoặc, đầy đủ như hỏi hương tượng.

Hỏi: Một thành, tất cả thành, nghĩa ấy ra sao?

Đáp: Có thể có hai nghĩa:

1. Y cứ về người.
2. Y cứ về vị.

Nghĩa đầu tiên hỏi đáp: Vì y cứ vào người duyên khởi nói, nên một người tức tất cả người, tất cả người là một người. Tất cả người tức một người là tất cả người, nên tu nói cũng vậy, vì một tu tất cả tu, tất cả tu cũng là một tu, nên đồng nói như vậy.

Hỏi: Hiện một người tu mà người khác không tu, cũng là một người chẳng phải người khác, đâu được làm như thế phải chăng?

Đáp: Cái mà ông thấy chỉ là biến kế, không quan hệ đến pháp duyên khởi, nên không nói đủ.

Nghĩa sau: Chương lục tướng nghĩa nói: Đức hạnh tức một thành tất cả thành. Lý tánh tức một hiển tất cả hiển, riêng khắp đầy đủ đầu, cuối, đều ngang bằng nhau.

Khi mới phát tâm liền thành Chánh giác, v.v... Một số cũng đồng.

Hỏi: Người ba thừa rốt ráo đến giai vị nào tiến lên Nhất thừa tức thành Phật?

Đáp: Trong Năm giáo nói rằng: Vì đến chỗ rốt ráo của vị mình, nên về sau đều tiến vào Nhất thừa của Biệt giáo. Nhất thừa này đều được quả xuất thế, xứ và rốt ráo của vị mình, y cứ vào Bồ-tát. Lại, vị Ba hiền là được lợi ích xuất thế. Xứ đủ như nghĩa Nhất thừa.

Hỏi: Đời hiện tại của một người, là đời vị lai của người đó sẽ thành Phật, hóa hiện ở thân ta, khiến cho tu hành phải không?

Đáp: Hóa khiến tu hành.

Hỏi: Con người hiện tại tu hành sẽ được thành Phật nào ở cõi kia, hóa hiện ở ta khiến tu hành?

Đáp: Phật kia không là hóa. Nay, thân ta vì không được thành Phật, nên khi Phật kia hóa hiện, ta mới có khả năng tu hành thành Phật. Đạo lý duyên khởi của ý chẳng phải ở vào thời đại của Phật kia, tức không có thân ta hiện nay, chẳng phải vào lúc thân ta hiện nay, vì không có Phật kia, nên biết như thế. Như đối với hiện nay, cho đến tận đời quá khứ cũng như vậy.

Hỏi: Phật vị lai là hiện tại và tức nhau của người ở quá khứ: Nghĩa là người ở quá khứ, hiện tại kia đã thành Phật hay chưa thành Phật?

Đáp: Đã thành, vì đồng một pháp duyên khởi với Phật vị lai.

Hỏi: Nếu vậy thì chỉ có Phật, đâu là hóa?

Đáp: Người ở quá khứ, hiện tại so với Phật vị lai là đồng một thể, vì chẳng phải người khác, nên Phật vị lai hóa hiện ngang bằng với con

người. Nếu người khác thì sẽ không được hóa. Vì sao? Vì ngoài chủ thể hóa có, nên chẳng phải chính mình đã hóa.

Hỏi: Có thể hóa độ được người ngoài sao nói người khác chẳng được hóa độ?

Đáp: Nếu chủ thể hóa, đối tượng hóa khác nhau, thì duyên khởi sẽ không thành, nên không được hóa độ người khác ngoài mình.

Hỏi: Mình đã là Phật thì đâu dùng hóa làm gì?

Đáp: Vì là Phật nên hóa. Nếu chẳng phải Phật, thì suốt ngày hóa không được thành Phật.

Hỏi: Sao khi mình chẳng phải Phật thì không được hóa?

Đáp: Vì tất cả chúng sinh xưa nay đã thành Phật, mà không biết mình, tức Phật, nên hóa khiến cho biết lý này gọi là Hóa, nên hóa thật ra không có đối tượng hóa, thật sự không có đối tượng thành.

Hỏi: Nếu vậy thì chỉ là hóa, không có nghĩa hóa người khác phải chăng?

Đáp: Cũng được hóa người khác, chẳng phải hóa vì không có mình. Vì duyên mình, người khác thành, vì vô phân biệt, nên Phật có khả năng thấy mình hoàn toàn là người khác, nên người khác không có thu nhiếp vật.

Hỏi: Y cứ hóa này chẳng phải hóa và mình, người khác, v.v... phân biệt bốn câu là gì?

Vấn đáp hỏi: Có hóa mình hay chẳng?

Đáp: Không, vì chẳng phải người khác, chẳng có mình.

Hỏi: Có hóa người khác chẳng?

Đáp: Không, vì hóa là Phật.

Hỏi: Hóa chung đối với mình, người khác phải chăng?

Đáp: Không, vì hai chấp đều không.

Hỏi: Nói chung chẳng phải là hóa chẳng?

Đáp: Vì cả hai đều lìa chấp, nên sự xóa bỏ này chẳng phải bốn câu, biểu thị cho chấp, làm sáng tỏ bốn câu, y cứ môn ba tánh rất dễ hiểu. Y cứ vào mình, người khác cũng có thể có ba, bốn luận chứng này. So sánh với trên, rất dễ hiểu.

Hỏi: Phật vị lai lại hóa hiện ở thân mình, nghĩa là có văn là đối tượng nương tựa phải chăng?

Đáp: Vì có văn của đối tượng nương tựa, nên Bồ-tát Bát địa trong kinh Anh Lạc nói: Tự thân, quả đương lai của mình, vì chư Phật xoa đầu nói pháp, nên đã nói rõ ràng rất dễ hiểu. Lại, các kinh đã trải qua, thường nói: Vì lễ bái Phật ba đời nên các tội nghiệp diệt, đâu khác chư

Phật vị lai. Hỏi: Sự tu hành của người khác đã thành Phật, tận cùng mé vị lai cũng sẽ thành, nói là lễ bái Phật vị lai, sao lại nói lễ bái Phật kia, tự sẽ thành Phật chẳng?

Đáp: Nghĩa lễ bái Phật của người khác chẳng phải không có, tuy nhiên Phật của người khác xa, Phật của mình gần. Vì sao? Vì một cách rộng khắp, chư Phật vì chúng sinh nói các đức của Phật, đại ý vì muốn cho chúng sinh, chính mình cũng được quả Phật kia, nên khiến tu hành. Cho nên, chúng sinh chứng đắc quả mà mình sẽ được trong đương lai, vì muốn được quả Phật kia, nên đã không tiếc thân mạng tu hành, chẳng phải để được quả Phật của người khác, cho nên tu hành. Vì thế, hiện nay ta khiến phát tâm tu hành, Phật Tổ là quả đương lai của ta, đã thành Phật chẳng phải Phật khác. Nghĩa này không có gì nghi ngờ, kinh ngạc. Lại, có người khác đã thành Phật, tức là quả Phật ở đương lai của mình. Vì sao? Vì khi người khác thành Phật, tức được quả bình đẳng của Phật ba đời. Lại, quả Phật ở đương lai của ta, tức là sự thành Phật hiện nay của ta. Vì sao? Vì ta được thành Phật ở đương lai tức là được pháp bình đẳng của Phật ba đời.

Như thế, lẫn lộn lại bình đẳng lẫn nhau. Đức quả bình đẳng chẳng có khác nhau đều là hóa. Nay, ta khiến tu hành, nghĩa ấy cũng vì chẳng phải không có, lẫn nhau có thân ta hiện nay, là toàn thể Như Lai tạng Phật, v.v... Nay, ta duyên Phật tánh của ta, tức ta mà vì không biết, nên đau xót, kinh ngạc. Hết lòng phát tâm tu hành, muốn mê trở lại. Cho nên, quán hóa kia. Phật ta tức là thể Phật của ta, chẳng phải xa cầu Phật của người khác. Nghĩa này là hạnh chánh quán, nghĩa là rất quan trọng. Lại, Phật tánh của ta đây, tức đối với tất cả pháp giới, trong hữu tình, vô tình hoàn toàn tức ở đều là một vật, vì Phật thể của ta. Nếu lễ bái Phật tự thể, thì sẽ không có vật thể nào chẳng phải là đối tượng tạo tác. Sự kiện này cũng rất quan trọng, thường nên suy nghĩ. Nếu thực hành suy nghĩ như thế, thì bất cứ lúc nào, bất cứ lúc nào, chẳng có một nơi nào, một lúc nào sinh khởi nghĩa của phiên nào ba độc. Đây tức là nhập phương tiện của quán Nhất thừa. Phật ba đời đều do tu hạnh này mà thành Phật, đầy đủ như trong Hương Tượng Vấn Đáp.

Hỏi: Tất cả tình, phi tình đều có Phật tánh thành Phật phải không?

Đáp: Y cứ về giáo khác nhau: Tiểu thừa chỉ có một mình Phật có chủng tánh Phật, thừa khác không có chủng tánh. Vì môn Thủ giáo y cứ vào pháp hữu vi vô thường để lập chủng tánh, nên không cùng khắp tất cả. Chung giáo vì chân tánh, lập chủng tánh, nên tất cả tánh có, môn

đốn giáo chỉ chân như lìa ngôn bật tướng, gọi là chủng, không phân tích tánh, tập. Y cứ vào môn Nhất thừa có hai thuyết:

1. Vì phương tiện thu nhiếp các giáo đã nói chủng tánh đều có đủ chủ, bạn, thành tông vì đồng giáo, vì phương tiện thu nhiếp, cho nên y cứ chủng tánh của Biệt giáo rất sâu, nhân quả không hai, chung cho y và chánh, cùng tận ba thế gian, thâm nhiếp, bao gồm tất cả lý, sự, giải, hạnh v.v... rộng như quyển hạ nói.

Hỏi: Các giáo đã nói ở đây có hay không có chủng tánh? Là Phật tánh lý hay là Phật tánh hạnh?

Đáp: Chung cho cả hai. Vì sao? Vì có hai thứ Phật tánh.

1. Thể.

2. Nghĩa.

Như quyển hạ sẽ nói.

Hỏi: Y cứ vào môn Nhất thừa có tánh, không có tánh, hữu tình, phi tình đều thành Phật. Nói giáo khác nhau của năm tánh hội nhập ở đâu?

Đáp: Quyển hạ nói: Luận có giải thích, nên luận Bảo Tánh chép: Hường về nói Xiển-đề không có tánh Niết-bàn, không nhập Niết-bàn.

Nghĩa này như thế nào? Vì muốn nói rõ nhân chê bai Đại thừa.

Ở đây nói về nghĩa gì?

Vì muốn xoay tâm chê bai Đại thừa trở về, vì khi y cứ vô lượng, nên đặt ra thuyết này, vì xiển-đề kia thật có tánh thanh tịnh, nên bình đẳng.

Hỏi: Nếu vậy, chỉ có thể lập tánh bất định, lập tánh gì?

Đáp: Tu hạnh tập quán của sáu độ xong, vị đến kham nhậm trụ, thành chủng tánh Bồ-tát.

Nếu tu tập hạnh Tiểu, đến vị nhĩn thành tánh Thanh văn, nên Trí Luận chép: Noãn, Đảnh, Nhĩn v.v... gọi là Địa tánh. Độc giác so sánh rất dễ hiểu.

Nếu đối với ba hạnh, thuận theo một tu hành, chưa đến vị gốc. Bấy giờ, lập thành chủng tánh bất định, nếu đối với ba hạnh hoàn toàn chưa tu hành, lập thành không có chủng tánh.

Hỏi: Y cứ vào chủng tánh, phân biệt bốn câu ra sao?

Đáp: Chung Nam Vấn đáp chép rằng: Hoặc có Phật tánh, người xiển-đề, có người chẳng có gốc lành. Nghĩa là y cứ vào hạnh để giải thích về tánh. Hoặc có Phật tánh, cả hai người đều có. Nghĩa là y cứ vào nhân để phân biệt về tánh. Hoặc có Phật tánh, hai người đều không có, nghĩa là y cứ vào quả để giải thích về tánh.

Hỏi: Nghĩa xiển-đề dứt gốc lành hiện tại, do đâu có thực hành tánh thiện?

Đáp: Đây là y cứ vào vị ngữ. Đời này sinh gốc lành, có thể bào chữa, nghĩa là có hiện hành tánh thiện. Đời khác sinh gốc lành. Hiện không thể bào chữa: Có hiện hành hạt giống nhân. Nghĩa này không đồng với tông của Thanh văn. Bốn vị này đều có đủ hai thứ Phật tánh: Tánh đặc và tu đặc. Vì sao? Vì hai tánh này đồng với xứ tâm thanh tịnh của tin hiểu, nói năng, do nhau mà thành. Hai thứ Phật tánh: Tánh đặc và tu đặc, chẳng phải đầu, chẳng phải giữa, sau, vì lấy trước, giữa, sau. Lại, xét nghiệm văn kinh nói: Như Lai tạng là thuyết căn cơ của Bồ-tát tiến thẳng, Phật tánh là thuyết cơ duyên của Thanh văn thuận thực.

Trong đây đã nói, Như Lai tạng, Phật tánh, dù y cứ các nghĩa khác nhau không đồng, nhưng đều là nghĩa Nhất thừa của Đồng giáo. Vì sao? Vì thành pháp khắp, vì được hình thành bởi pháp khắp.

Hỏi: Bản tánh, trụ tánh, chủng tánh do tập thành, pháp nào trước, pháp nào sau?

Đáp: Vì thuận theo cơ duyên, nên trước, sau không nhất định. Vì thế cho nên Hương Tượng Vấn đáp chép: Hỏi: Trong bốn câu của bản hữu, tu sinh, v.v... có hai câu: Bản hữu tu sinh, tu sinh bản hữu. Bản hữu, tu sinh kia tức là pháp duyên khởi nên chẳng phải bản hữu, không có tu sinh, không phải tu sinh, không có bản hữu, pháp nhân duyên của hai câu có thể hiểu.

Chỉ có bản hữu, chỉ có tu sinh, hai câu này là pháp nhân duyên phải chăng? Nếu chẳng phải do tu sinh mà có bản hữu, với tập chủng về trước có nghĩa bản hữu, có gì khác nhau chăng?

Đáp: Vì bậc Thánh có thể thấy lợi ích của căn cơ, nên bốn câu đều nói khắp. Nếu chúng sinh có cơ duyên vây quanh, dùng chủng tánh làm chủng tập trước làm lợi ích sau, tức nói bản hữu có trước, tu sinh có sau. Nếu có chúng sinh lấy tu sinh làm trước, bản hữu là lợi ích sau, tức nói chủng tánh là sau, chủng tập là trước, chỉ nói trong chỗ thuận theo căn cơ. Không thấy pháp nhất định có trước, sau, vì pháp chẳng có trước, sau kia, nên tức khéo xứng đồng với trước, sau. Cho nên, thuyết của các Thánh giáo nói trước, sau không quyết định. Tuy nhiên, như nói thủ, nghĩa là nhất định, vì pháp có trước của bản hữu, nên mất chỉ thú của nhân duyên, vì trái với ý của người kia, nên khác với người kia. Tất cả pháp môn khác đều như thế. Phải hiểu rõ nguyên do của giáo, lại hiểu thật tánh của pháp.